

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THCS VÀ THPT NHÂN VĂN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THCS VÀ THPT NHÂN VĂN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Hoàng Thị Minh Liên	Chủ tịch Hội đồng quản trị – Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Phan Ngọc Luông	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Nguyễn Thị Trà	Chủ tịch Công đoàn	Phó Chủ tịch Hội đồng	
4	Lê Kim Ngọc	Hành chính; Học vụ	Thư ký Hội đồng	
5	Sen Diễm Kiều	Tổ trưởng tổ KHTN	Ủy viên	
6	Nguyễn Hà Tiên	Tổ trưởng tổ KHXXH	Ủy viên	
7	Nguyễn Anh Thư	Tổ trưởng tổ Anh văn	Ủy viên	
8	Trần Ngọc Lương	Tổ trưởng tổ Tổng hợp	Ủy viên	
9	Vũ Thị Hiền	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Ủy viên	
10	Nguyễn Trần Chiến	Trợ lý thanh niên	Ủy viên	
11	Lê Văn Chất	Nhân viên IT; Học vụ	Ủy viên	
12	Đoàn Chân Tâm	Nhân viên thư viện, thiết bị	Ủy viên	
13	Võ Thị Diễm Kiều	Nhân viên văn thư	Ủy viên	
14	Nguyễn Trần Thanh Thảo	Nhân viên kế toán	Ủy viên	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
MỤC LỤC	1
TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ	3
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	4
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	9
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	9
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	11
TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	11
Mở đầu	11
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	11
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác	13
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	14
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	16
Tiêu chí 1.5: Lớp học	19
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	20
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	22
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	24
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	25
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	26
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	28
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	29
Mở đầu	29
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	29
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	31
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	32
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	34
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	36
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học	36
Mở đầu	36
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	37

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khôi phục vụ học tập	38
Tiêu chí 3.3: Khôi hành chính - quản trị	39
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	41
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	42
Tiêu chí 3.6: Thư viện	44
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	46
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	46
Mở đầu	46
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	47
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	49
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	51
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	51
Mở đầu	51
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	52
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	54
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	56
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	58
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	60
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục	62
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	66
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	67
Phần IV. PHỤ LỤC	68

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x		
Tiêu chí 1.2		x		
Tiêu chí 1.3		x	x	
Tiêu chí 1.4		x		
Tiêu chí 1.5		x		x
Tiêu chí 1.6		x		
Tiêu chí 1.7		x		
Tiêu chí 1.8		x		
Tiêu chí 1.9		x		
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x		
Tiêu chí 2.2		x	x	
Tiêu chí 2.3		x		
Tiêu chí 2.4		x		
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	
Tiêu chí 3.2		x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	
Tiêu chí 3.6		x		
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x		
Tiêu chí 4.2		x		
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	
Tiêu chí 5.3		x		
Tiêu chí 5.4		x	x	
Tiêu chí 5.5		x	x	
Tiêu chí 5.6		x	x	

Kết quả: Trường đạt Mức 1

2. Kết luận: đạt Mức 1

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: **TRƯỜNG THCS VÀ THPT NHÂN VĂN**

Cơ quan chủ quản: **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Thành phố Hồ Chí Minh	Họ và tên Hiệu trưởng	Hoàng Thị Minh Liên
Huyện/quận/thị xã /thành phố	Tân Phú	Điện thoại	028 38470481
Xã/phường/thị trấn	Sơn Kỳ	Fax	028 3812 0875
Đạt chuẩn quốc gia	Không	Website	www.nhanvanschool.edu.vn
Năm thành lập trường (theo Quyết định thành lập)	1996	Số điểm trường	01
Công lập	Không	Loại hình khác	Không
Tư thục	X	Thuộc vùng khó khăn	Không
Trường chuyên biệt	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2018 –2019	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 –2021	Năm học 2021 –2022	Năm học 2022 – 2023
Khối lớp 6	1	1	1	1	1
Khối lớp 7	1	1	1	1	1
Khối lớp 8	2	1	1	1	1
Khối lớp 9	2	2	2	1	1
Khối lớp 10	3	2	2	2	2
Khối lớp 11	2	3	2	2	2
Khối lớp 12	3	2	3	2	2
Cộng	14	12	12	10	10

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2018 –2019	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 –2021	Năm học 2021 –2022	Năm học 2022 – 2023
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	31	31	31	31	31
1	Phòng học	18	18	18	18	18
a	Phòng kiên cố	18	18	18	18	18
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
2	Phòng học bộ môn	13	13	13	13	13
a	Phòng kiên cố	13	13	13	13	13
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
3	Khối phục vụ học tập	0	0	0	0	0
a	Phòng kiên cố	0	0	0	0	0
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0
II	Khối phòng hành chính - quản trị	3	3	3	3	3
1	Phòng kiên cố	3	3	3	3	3
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0
III	Thư viện	1	1	1	1	1
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác	4	4	4	4	4
	Cộng	39	39	39	39	39

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá (tính đến tháng 09 năm 2023)

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	0	0	1	0	
Phó hiệu trưởng	1	0	0	0	1	0	
Giáo viên	34	18	0	0	34	0	
Nhân viên	26	15	0	0	26	0	
Cộng	62	34	0	0	62	0	

b) Số liệu của 05 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2018 – 2019	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học c 2022 – 2023
1	Tổng số giáo viên	59	50	50	49	34
2	Tỷ lệ giáo viên/ lớp	59/14	50/12	50/12	49/10	34/10
3	Tỷ lệ giáo viên/ học sinh	59/436	50/362	50/291	49/227	34/246
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp quận hoặc tương đương trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp thành phố trở lên (nếu có)	0	0	0	0	0

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2018 – 2019	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023
1	Tổng số học sinh	406	362	291	225	246
	- Nữ	109	105	76	62	74
	- Dân tộc thiểu số	8	4	6	5	4
	Khối lớp 6	24	12	5	5	14
	Khối lớp 7	26	33	13	12	15
	Khối lớp 8	54	45	39	23	34
	Khối lớp 9	60	62	49	38	38

TT	Số liệu	Năm học 2018 – 2019	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023
	Khối lớp 10	89	66	70	63	55
	Khối lớp 11	59	79	69	48	52
	Khối lớp 12	95	67	71	41	38
2	Tổng số tuyển mới	206	163	122	100	144
3	Học 02 buổi/ ngày	407	364	316	230	246
4	Bán trú	72	86	77	52	68
5	Nội trú	335	278	239	178	178
6	Bình quân số học sinh/ lớp	28,93	30,2	24,2	22,7	24,6
7	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	100%	100%	100%	100%	100%
	- Nữ					
	- Dân tộc thiểu số					
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh	03	02	0	03	02
9	Tổng số hs giỏi quốc gia (nếu có)	0	0	0	0	0
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	0	0	0	0	0
	- Nữ	0	0	0	0	0
	- Dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0
11	Tổng số học sinh có hoàn cảnh đặc biệt	0	0	0	0	0
12	Các số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0	0

b) Kết quả giáo dục (đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học)

Kết quả xếp loại	Năm học 2018 – 2019	Năm học 2019 – 2020	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Ghi chú
1/ Học lực						
Tỷ lệ học sinh xếp loại Giỏi	17,00	14,09	26,90	16,89	28,46	
Tỷ lệ học sinh xếp loại Khá	51,97	50,00	52,41	53,33	54,88	
Tỷ lệ học sinh xếp loại trung bình	29,56	33,15	18,28	28,44	15,85	

Tỷ lệ học sinh xếp loại Yếu - Kém	1,48	2,76	2,41	1,33	0,81	
<u>2/ Hạnh kiểm</u>						
Tỷ lệ học sinh xếp loại Tốt	77,34	69,06	75,52	68,00	91,87	
Tỷ lệ học sinh xếp loại Khá	21,18	25,97	20,34	21,78	6,91	
Tỷ lệ học sinh xếp loại Trung bình	1,48	04,97	4,14	8,44	1,22	
Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	100%	100%	100%	100%	100%	
Tỷ lệ học sinh 14 tuổi hoàn thành chương trình THCS	100%	100%	100%	100%	100%	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Trung học cơ sở dân lập Nhân Văn được thành lập ngày 04 tháng 9 năm 1996 theo Quyết định số 48/GĐĐT/TC-QĐ của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 1997 trường được đổi tên thành trường trung học phổ thông cấp 2-3 dân lập Nhân Văn (Quyết định số 2711/QĐ-UB-NCVX, ngày 31 tháng 05 năm 1997); Năm 2004 trường chuyển đổi tên thành trường trung học phổ thông Tư thực Nhân Văn (Quyết định số 3592/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 07 năm 2004).

Đến năm 2011 trường chính thức mang tên trường trung học cơ sở, trung học phổ thông Nhân Văn (Quyết định số 5664/QĐ-UBND, ngày 23 tháng 11 năm 2011).

Trường tọa lạc tại số 17 đường Sơn Kỳ, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú. Vị trí của trường nằm gần trung tâm của quận Tân Phú, nơi có mật độ dân cư cao, điều kiện về kinh tế, chính trị, xã hội phát triển tốt.

Sau nhiều năm hoạt động và phát triển, diện tích đất của trường hiện nay là 2166m², diện tích sàn là 5608.08m² gồm 1 trệt 3 lầu sức chứa đến 800 học sinh học tập và sinh hoạt.

Trường trung học cơ sở, trung học phổ thông Nhân Văn là một trong những trường dân lập ra đời sớm nhất tại thành phố Hồ Chí Minh. Trải qua hơn 26 năm hình thành và phát triển, với mục tiêu xây dựng một ngôi trường có chất lượng cao; đào tạo học sinh toàn diện về đức, trí, thể, mỹ, trở thành những con người sống có trách nhiệm, có lòng nhân ái, có tri thức, hoà nhập tốt với cộng đồng và có ý chí vươn lên trong cuộc sống.

Từ khi được thành lập đến nay, trường đã tiếp nhận các em học sinh nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước, góp phần đáng kể trong việc thực hiện nhiệm vụ xã hội hóa giáo dục của đất nước. Bám sát tôn chỉ: “Nhân Văn”, học sinh của trường được giáo dục để tiếp thu những tinh hoa tốt đẹp của thế giới nhưng vẫn giữ được nét đẹp bản sắc văn hóa truyền thống của con người Việt Nam trong quá trình hội nhập.

Thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”, trong những năm qua, dù có những khoảng thời gian dài bị ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19, học sinh phải tạm dừng đến trường, các hoạt động chung của trường gặp rất nhiều khó khăn nhưng tập thể sư phạm nhà trường đã không ngừng nỗ lực, đổi mới công tác quản lý, đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá. Nhờ đó, Trường trung học cơ sở, trung học phổ thông Nhân Văn đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giáo dục.

2. Mục đích tự đánh giá

Nhà trường xác định mục đích của việc tự đánh giá là để đơn vị tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra điểm mạnh, điểm yếu đối với các hoạt động giáo dục từ đó xây dựng biện pháp nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, đáp ứng các tiêu

chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của trường; đề cơ quan quản lý nhà nước đánh giá, công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục. Đồng thời, tiếp tục đầu tư và huy động các nguồn lực, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

Hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục còn giúp cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hiểu biết về công tác tự đánh giá, nhận biết kết quả giáo dục toàn diện của đơn vị mình đang công tác. Trường đẩy mạnh công tác tuyên truyền về đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục, hoạt động tự đánh giá được tiến hành song song với hoạt động giáo dục diễn ra hằng ngày tại đơn vị, tạo động lực cho công tác đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục phát triển tốt và bền vững trên cơ sở đảm bảo sự hài hòa giữa các lợi ích: nhà trường, xã hội và người học.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong quá trình tự đánh giá

Thực hiện Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường trung học cơ sở, trung học phổ thông Nhân Văn tiến hành tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường theo quy trình như sau:

Bước 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

Bước 2. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.

Bước 3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.

Bước 4. Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

Bước 5. Viết báo cáo tự đánh giá.

Bước 6. Công bố báo cáo tự đánh giá và đăng ký đánh giá ngoài.

Hội đồng tự đánh giá của nhà trường tiến hành theo phương pháp phổ biến quy trình tự đánh giá và yêu cầu các bộ phận, cá nhân của trường phối hợp thực hiện; xây dựng kế hoạch tự đánh giá; thu thập thông tin, minh chứng; rà soát các hoạt động giáo dục, đối chiếu, so sánh kết quả tự đánh giá với các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; đánh giá mức độ nhà trường đạt được theo từng tiêu chí; viết báo cáo tự đánh giá; tổ chức thực hiện việc duy trì cơ sở dữ liệu về chất lượng giáo dục gồm các thông tin chung, kết quả về điều tra thực trạng và các vấn đề khác nhằm hỗ trợ việc duy trì, nâng cao chất lượng của đơn vị. Yêu cầu cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh của nhà trường thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng phát huy các điểm mạnh, khắc phục điểm yếu đã đề ra trong báo cáo tự đánh giá.

Hội đồng tự đánh giá làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và thảo luận để đi đến thống nhất; mọi quyết định có giá trị khi ít nhất 2/3 số thành viên trong Hội đồng tự đánh giá nhất trí.

Trong báo cáo tự đánh giá, trường đã sử dụng bộ tiêu chí như một công cụ để xác định rõ tầm nhìn, điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ và thách thức để từ đó xây dựng kế

hoạch, đề xuất các biện pháp cụ thể nhằm từng bước nâng cao chất lượng giáo dục, đồng thời kiến nghị với cơ quan có trách nhiệm và thẩm quyền như lãnh đạo Phòng giáo dục, Sở Giáo dục và chính quyền địa phương có biện pháp hỗ trợ nâng cao chất lượng dạy và học theo chiến lược phát triển nhà trường trong giai đoạn trước mắt và lâu dài.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu

Việc tổ chức và quản lý là điều kiện tiên quyết để nhà trường tồn tại và phát triển. Trường trung học cơ sở, trung học phổ thông Nhân Văn đã xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định tại Điều lệ trường trung học phổ thông từ khi mới thành lập. Qua nhiều năm được bổ sung, kiện toàn bộ máy tổ chức và quản lý, trường có đủ các thành phần theo Điều lệ trường Trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông và trường Trung học phổ thông nhiều cấp học, hoạt động theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định khác của pháp luật dưới sự chỉ đạo của chi bộ, sự quản lý chặt chẽ của Hội đồng trường, Ban giám hiệu của nhà trường.

Hiệu trưởng có các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động giảng dạy của trường; kịp thời thực hiện công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh theo các quy định hiện hành. Trường đã xây dựng chiến lược phát triển nhà trường theo từng chủ đề năm học bám sát tình hình thực tế và sự chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình hoạt động, trường thực hiện đầy đủ chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; thực hiện tốt các hoạt động giáo dục; quản lý tài chính, tài sản; đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn cho cán bộ, công nhân viên và học sinh; thực hiện tốt phong trào thi đua, khen thưởng theo các quy định hiện hành; công khai, dân chủ trong các hoạt động của nhà trường.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham

gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng trường đối với trường tu thực), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông Nhân Văn đã chủ động xây dựng phương hướng chiến lược và phát triển nhà trường theo kế hoạch 5 năm giai đoạn 2015 - 2020 và giai đoạn 2022 - 2025 dựa theo mục tiêu của giáo dục phổ thông quy định tại Luật Giáo dục, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế – xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và với các nguồn lực của nhà trường, hướng đến mục tiêu xây dựng trường tiên tiến theo xu thế hội nhập khu vực và quốc tế. Nhà trường đã xây dựng được chiến lược phát triển làm cơ sở định hướng cho các kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục phù hợp với từng năm học. Trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển, nhà trường đã căn cứ vào các nguồn lực về nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất hiện tại và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để đề ra mục tiêu phấn đấu và biện pháp thực hiện mang tính khả thi [H1-1.1-01].

b) Nhà trường xây dựng được kế hoạch chiến lược phát triển giáo dục kế hoạch 5 năm giai đoạn 2015 - 2020; giai đoạn 2022 - 2025 được cụ thể hóa trong kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ từng năm học đã được Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét và phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Kế hoạch chiến lược được công bố công khai dưới hình thức niêm yết tại bản tin, website của trường [H1-1.1-02].

Mức 2:

Nhà trường đã có giải pháp giám sát, rà soát, đánh giá việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển hoàn thiện. Trong các cuộc họp định kỳ của lãnh đạo trường việc đánh giá, rà soát và điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của trường luôn được đề cập. Vào đầu mỗi năm học, chủ tịch Hội đồng trường đồng thời là hiệu trưởng đã tiến hành họp đầu năm để triển khai phương hướng hoạt động theo chủ đề từng năm học đồng thời phân công cụ thể các thành viên giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển để đánh giá, điều chỉnh phù hợp [H1-1.1-03].

Mức 3:

Nhà trường đã định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược phát triển dựa trên sự tham gia đóng góp ý kiến của các thành viên trong Hội đồng quản trị, ban lãnh đạo, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, Ban đại diện cha mẹ học sinh, học sinh. Cuối mỗi năm học, phân công các bộ phận rà soát, báo cáo kết quả việc thực hiện, đánh giá các mặt mạnh để tiếp tục phát huy và rút kinh nghiệm những hạn chế cần khắc phục từ đó đề xuất bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển cho năm học sau. Tuy nhiên, việc điều chỉnh, bổ sung chiến lược phát triển của trường đôi khi còn chậm [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng được chiến lược phát triển làm cơ sở định hướng cho các kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục phù hợp với từng năm học. Trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển, nhà trường đã căn cứ vào các nguồn lực về nhân lực,

tài chính và cơ sở vật chất hiện tại và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để đề ra mục tiêu phấn đấu và biện pháp thực hiện mang tính khả thi.

3. Điểm yếu

Việc điều chỉnh, bổ sung chiến lược phát triển của nhà trường đôi khi chưa thực hiện tốt do nhiều yếu tố khách quan.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2022 - 2023 và những năm tiếp theo, dưới sự chỉ đạo của Hội đồng quản trị, ban lãnh đạo sẽ tiến hành đánh giá sơ kết theo định kỳ, nhằm rút ra những ưu điểm và hạn chế trên cơ sở các ý kiến đóng góp của các bộ phận để bổ sung và điều chỉnh nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu đã đề ra trong chiến lược phát triển.

Thường xuyên cập nhật thông tin và văn bản chỉ đạo các cấp để điều chỉnh, bổ sung kịp thời những yêu cầu mới cho phù hợp với từng giai đoạn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1

Tiêu chí 1.2: Hội đồng quản trị (đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có đầy đủ các Hội đồng trường theo quy định hiện hành. Hội đồng trường của trường được thành lập theo Quyết định số 05/QĐ-SGDĐT, ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, gồm 05 thành viên:

- | | |
|--------------------------|------------------------------------|
| + Bà Hoàng Thị Minh Liên | - Nhà đầu tư, Hiệu trưởng |
| + Ông Phạm Ngọc Thư | - Nhà đầu tư, Thành viên |
| + Bà Nguyễn Thị Dung | - Nhà đầu tư, Thành viên |
| + Bà Nguyễn Thị Trà | - CT. công đoàn trường, Thành viên |
| + Ông Hoàng Minh Anh Tài | - Thành viên ngoài trường |

Vào đầu mỗi năm học, hiệu trưởng ra quyết định thành lập các hội đồng khác như: hội đồng tuyển sinh; thi đua khen thưởng... Cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ của các hội đồng này được thực hiện đúng theo của Điều lệ trường trung học hiện hành [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04].

b) Hội đồng quản trị và các hội đồng khác trong nhà trường được thành lập để tư vấn, hỗ trợ hiệu trưởng trong công tác.

Hội đồng quản trị và các hội đồng khác đều thực hiện chức năng, nhiệm vụ và

quyền hạn theo quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm quyết định về chiến lược, tầm nhìn, kế hoạch, mục tiêu phát triển nhà trường trong từng giai đoạn và năm học; hội đồng tuyển sinh, hội đồng thi đua khen thưởng giúp hiệu trưởng trong công tác tuyển sinh, tổ chức các phong trào thi đua, đánh giá xếp loại, khen thưởng cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong từng học kỳ, năm học một cách khách quan, công bằng, công khai, dân chủ [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03];

c) Hội đồng quản trị họp định kỳ đúng quy định, ngoài ra còn có các cuộc họp đột xuất để bàn bạc, giải quyết những vấn đề cấp thiết và quan trọng của trường đồng thời thực hiện tốt nhiệm vụ tư vấn cho hiệu trưởng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động của trường như công tác tuyển sinh, thi đua khen thưởng [H1-1.2-06].

Cuối học kỳ, cuối năm học hội đồng quản trị và các hội đồng khác đều tổ chức họp để rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục đã thực hiện để khen thưởng các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc; đề xuất biện pháp khắc phục đối với những hạn chế, thiếu sót [H1-1.2-06].

Mức 2:

Hội đồng quản trị và các hội đồng khác luôn hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định, tổ chức tư vấn, thảo luận, thống nhất ý kiến và tham mưu hiệu quả cho hiệu trưởng thực hiện các nhiệm vụ trong nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Tuy nhiên, trong nhiệm kỳ (5 năm) có thành viên trong một số hội đồng chuyển công tác hoặc nghỉ nên việc bố trí thành viên mới gặp khó khăn nhất định [H1-1.2-08].

2. Điểm mạnh

Hội đồng quản trị và các hội đồng khác được thành lập đầy đủ và có cơ cấu tổ chức theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, luôn hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định, có sự phân công cụ thể, rõ ràng, các thành viên làm việc có trách nhiệm, hiệu quả.

3. Điểm yếu

Trong nhiệm kỳ (5 năm) có thành viên trong một số hội đồng chuyển công tác hoặc nghỉ nên việc bố trí thành viên mới gặp khó khăn nhất định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2022 - 2023 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng xây dựng đề án nhân sự, chủ động chuẩn bị nguồn nhân lực dự bị cho hội đồng trường. Hiệu trưởng tiếp tục duy trì hoạt động của các hội đồng khác nhằm phát huy vai trò lãnh đạo, tư vấn và phối hợp của các hội đồng trong nhà trường giúp hiệu trưởng quản lý tốt hơn; tạo điều kiện cho các thành viên được học tập bổ sung các kỹ năng cần thiết để thực thi có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể, tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- b) Hoạt động theo quy định;
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

- a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có các tổ chức: Công đoàn cơ sở, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh được cấp thẩm quyền ra quyết định thành lập, chuẩn y. [H1-1.3-02]; [H1-1.3-02].

b) Đoàn trường (học sinh) trung học cơ sở, trung học phổ thông Nhân Văn là đoàn cơ sở trực thuộc Quận đoàn quận Tân Phú dưới sự quản lý, phụ trách hoạt động của trợ lý thanh niên và một phó trợ lý thanh niên theo phân công của hiệu trưởng. Ban chấp hành đoàn trường nhiệm kỳ năm học 2022 – 2023 có 03 thành viên. Trong năm học 2022 - 2023 chi đoàn có 126 đoàn viên. Đoàn trường hoạt động theo Điều lệ của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và theo chương trình của quận đoàn quận Tân Phú, tổ chức nhiều hoạt động giao lưu, chia sẻ và tạo sân chơi cho đoàn viên học sinh, từ đó phát hiện và giới thiệu đoàn viên ưu tú cho đoàn trường để bồi dưỡng và phát triển đảng [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

c) Hằng năm, các tổ chức Công đoàn và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đều tiến hành rà soát đánh giá kết quả đạt được và xếp loại, đề xuất khen thưởng cho tập thể và các cá nhân tiêu biểu. Công tác tổ chức sơ kết, khen thưởng đã động viên kịp thời cho những cá nhân có thành tích tốt trong giảng dạy, trong học tập cũng như tham gia các hoạt động phong trào [H1-1.3-01]; [H1-1.3-08]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-04]; [H1-1.3-05].

Mức 2:

a) Chi bộ trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông Nhân Văn là chi bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ quận Tân Phú, cấp ủy chi bộ gồm 02 thành viên. Năm học 2022 - 2023, chi bộ có 04 đảng viên. Chi bộ hoạt động theo Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam và theo chỉ đạo của quận ủy quận Tân Phú. Trong 05 năm liên kế tính đến thời điểm đánh giá, chi bộ luôn được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07].

b) Các tổ chức Công đoàn và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh nhà trường hoạt động đều tay, tích cực trong các phong trào chung của nhà trường [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07].

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp (2018 đến 2022), Chi bộ đều được Đảng ủy phường Sơn Kỳ đánh giá tốt. Kết quả xếp loại trong 05 năm liên tục “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” [H1-1.3-08].

b) Các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường hoạt động tích cực, nhiệt tình, đạt nhiều thành tích, đóng góp hiệu quả trong các hoạt động trường và cộng đồng. Nhiều năm liên tục, Công đoàn trường đạt danh hiệu Công đoàn vững mạnh, được Công đoàn ngành khen thưởng. Tuy nhiên, hình thức hoạt động của Chi bộ, Công đoàn còn chưa phong phú. Cán bộ các đoàn thể đều kiêm nhiệm nhiều công tác khác nên quỹ thời gian đầu tư cho hoạt động của đoàn thể còn hạn chế [H1-1.3-09]; [H1-1.3-10].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có cơ cấu tổ chức, đoàn thể đầy đủ theo quy định của Điều lệ trường trung học và các quy định khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Các tổ chức trong nhà trường luôn hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định. Tổ chức Công đoàn đã phát huy tốt vai trò trong việc động viên đoàn viên công đoàn tham gia vào các hoạt động toàn diện của nhà trường; làm tốt công tác chăm lo đời sống tinh thần cho đoàn viên. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã tổ chức tốt các hoạt động phong trào cho học sinh góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Hình thức hoạt động của Công đoàn trường, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh còn chưa phong phú. Cán bộ các đoàn thể đều kiêm nhiệm nhiều công tác khác nên quỹ thời gian đầu tư cho hoạt động của đoàn thể mình phụ trách còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát huy điểm mạnh trong việc xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy của trường theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học.

Chi bộ tăng cường công tác rà soát, đánh giá hoạt động của các đoàn thể sau mỗi học kỳ, mỗi năm học. Từ năm học 2022 – 2023, Chi bộ xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện đa dạng các hình thức các hoạt động của Chi bộ, Công đoàn và Đoàn thanh niên.

Sau mỗi học kỳ mỗi năm học Công đoàn, đoàn trường cần bàn bạc, mạnh dạn góp ý chỉ ra các điểm mạnh để phát huy và các điểm yếu cần khắc phục.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) *Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

a) *Hàng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*

b) *Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

a) *Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;*

b) *Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) *Hiện tại nhà trường có 02 cán bộ quản lý: 01 hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng theo Quyết định của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.*

Mỗi thành viên lãnh đạo được phân công trách nhiệm cụ thể. Trong đó hiệu trưởng nhà trường giữ vai trò lãnh đạo quản lý toàn diện về mọi mặt hoạt động; phó hiệu trưởng phụ trách công tác chuyên môn, các hoạt động giảng dạy và công tác kiểm tra nội bộ. Hàng năm, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đều tự đánh giá và được đánh giá loại tốt theo quy định chuẩn hiệu trưởng trường trung học phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.4-01].

b) Theo Điều lệ trường trung học (Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 09 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), nhà trường đã thành lập 10 tổ chuyên môn gồm: tổ Toán Tin; tổ Vật lý; tổ Hóa học; tổ Sinh Công nghệ; tổ Ngữ văn; tổ Sử Địa Công dân Ngoài giờ lên lớp; tổ Anh văn; tổ Thể dục, Quốc phòng, Nhạc, Mỹ thuật, tổ Văn phòng (gồm khối văn phòng, cơ sở vật chất, cấp dưỡng, bảo vệ) và tổ giám thị. Đầu mỗi năm học, hiệu trưởng đều ban hành quyết định bổ nhiệm chức vụ tổ trưởng chuyên môn để quản lý, điều hành các hoạt động của tổ [H1-1.4-02].

c) Vào đầu mỗi năm học, các tổ chuyên môn dựa trên kế hoạch chung của nhà trường về thực hiện nhiệm vụ năm học để xây dựng kế hoạch công tác của tổ. Các tổ chuyên môn thực hiện đúng nhiệm vụ theo quy định Điều lệ của trường trung học, đó là: hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch, cá nhân của tổ viên theo kế hoạch giáo dục, phân phối chương trình môn học của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tổ Văn phòng đảm bảo thực hiện các chế độ, chính sách kịp thời, điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị, môi trường dạy học nhằm phục vụ hoạt động chung của trường; tham gia đánh giá, xếp loại, đề xuất khen thưởng kỷ luật đối với thành viên trong tổ; có đầy đủ kế hoạch hoạt động của tổ theo tuần, tháng, học kỳ, năm học; thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo quy định 02 lần/tháng [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

Mức 2:

a) *Hàng năm, các tổ chuyên môn có thực hiện tổ chức chuyên đề, thảo luận góp ý để rút kinh nghiệm về phương pháp dạy học có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu*

quả giảng dạy bộ môn [H1-1.4-05].

b) Vào đầu năm học, các tổ chuyên môn đều họp thống nhất và điều chỉnh phân phối chương trình của môn học cho phù hợp, phân công chuyên môn cho các giáo viên trong tổ. Các giáo viên bộ môn được tổ trưởng hoặc ban lãnh đạo phê duyệt kế hoạch dạy học, được kiểm tra giám sát các hoạt động giảng dạy trên lớp. Tổ trưởng Văn phòng kiểm tra công việc thực hiện và thời gian làm việc của nhân viên.

Tổ chuyên môn, tổ văn phòng và tổ giám thị tiến hành họp định kỳ hàng tuần, có biên bản họp rà soát, đánh giá, điều chỉnh công tác đã thực hiện, rút kinh nghiệm và triển khai công tác mới, biên bản được lưu trữ đầy đủ. Tuy nhiên, các tổ ghép còn gặp khó khăn về thời gian tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ. Việc tổ chức chuyên đề dạy học còn ít. Chất lượng hồ sơ và việc lưu minh chứng các hoạt động của các tổ chuyên môn và tổ văn phòng còn hạn chế. Một vài giáo viên còn thiếu đầu tư cho công tác đổi mới sinh hoạt chuyên môn, chưa tích cực cải tiến phương pháp dạy học làm ảnh hưởng đến chất lượng chuyên môn của tổ [H1-1.4-06]. [H1-1.4-07].

Mức 3:

a) Các tổ chuyên môn đã có những điều chỉnh, thay đổi về phương pháp dạy học và đổi mới cách kiểm tra, đánh giá phù hợp với đối tượng học sinh theo hướng dạy học cá thể hóa, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học tại đơn vị.

Tổ văn phòng thực hiện tốt quản lý hành chính, giờ giấc kỷ luật lao động; theo dõi và đánh giá hiệu quả công việc của nhân viên.

Tổ giám thị quản lý, giám sát quá trình học tập, sinh hoạt của học sinh kịp thời xử lý các trường hợp sai phạm của học sinh. Thường xuyên trao đổi với phụ huynh học sinh về tình hình sinh hoạt, học tập của học sinh trong thời gian ở trường.

Cuối mỗi năm học, các tổ đều thực hiện bầu chọn cá nhân tiêu biểu nhằm khuyến khích, động viên tinh thần làm việc của giáo viên, nhân viên góp phần nâng cao hiệu quả công việc [H1-1.4-06]; [H1-1.4-07].

b) Việc triển khai chuyên đề chuyên môn ở các tổ đã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động chuyên môn và chất lượng môn học. Thông qua các chuyên đề, ngoài việc tăng cường, củng cố kiến thức cho học sinh còn tạo động lực giúp học sinh hứng thú hơn trong học tập, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục. Ngoài ra, thông qua các chuyên đề, giáo viên được nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và thực hiện tốt hơn công việc được giao [H1-1.4-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo quy định. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng có năng lực lãnh đạo, có phẩm chất đạo đức tốt, được tập thể giáo viên, nhân viên và học sinh tín nhiệm. Các tổ chuyên môn thực hiện tốt yêu cầu về chuyên môn và yêu cầu về chất lượng dạy học của nhà trường.

3. Điểm yếu

Các tổ ghép còn gặp khó khăn về thời gian tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ. Việc tổ chức chuyên đề dạy học còn ít.

Chất lượng hồ sơ và việc lưu minh chứng các hoạt động của các tổ chuyên môn và tổ Văn phòng còn hạn chế. Một vài giáo viên còn thiếu đầu tư cho công tác đổi mới

sinh hoạt chuyên môn, chưa tích cực cải tiến phương pháp dạy học làm ảnh hưởng đến chất lượng chuyên môn của tổ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022 - 2023 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng sẽ hướng dẫn, yêu cầu cụ thể các tổ chuyên môn và tổ Văn phòng về lưu trữ hồ sơ theo quy định. Chỉ đạo các tổ chuyên môn tiếp tục cải tiến các biện pháp tổ chức các hoạt động theo kế hoạch một cách khoa học, thiết thực để nâng cao hơn nữa chất lượng sinh hoạt các tổ chuyên môn. Tăng trách nhiệm cho các tổ trưởng trong việc theo dõi, đánh giá hiệu quả công việc của từng giáo viên, nhân viên, nhắc nhở hoặc trợ giúp nhân viên kịp thời, phát huy vai trò của mỗi cá nhân trong việc đổi mới phương pháp dạy học.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2: Trường có không quá 45 lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3: Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đầy đủ các khối lớp từ lớp 06 đến lớp 12 và bảo đảm quy định về độ tuổi học sinh theo quy định [H1-1.5-01].

b) Học sinh được tổ chức theo lớp. Mỗi lớp có ban cán sự lớp gồm 01 lớp trưởng phụ trách chung, 01 lớp phó học tập phụ trách học tập, 01 lớp phó phụ trách kỷ luật-văn thể do lớp bầu ra vào đầu năm học. Mỗi lớp tùy theo số lượng được chia thành các tổ, mỗi tổ có 01 tổ trưởng, 01 tổ phó phụ trách hoạt động của tổ. Hiệu trưởng đã phân công giáo viên chủ nhiệm lớp, nhằm giúp hiệu trưởng trong công tác quản lý và giáo dục học sinh [H1-1.5-02].

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Đầu năm học, lớp bầu ban cán sự chịu trách nhiệm giúp giáo viên chủ nhiệm quản lý và điều hành các hoạt động của lớp. Các hoạt động của lớp trong năm học đều được lấy ý kiến của học sinh trong lớp và phân công cho ban cán sự lớp điều hành. Hằng tuần, ban cán sự lớp điều hành giờ sinh hoạt lớp dưới sự chủ trì của giáo viên chủ nhiệm. Cuối mỗi học kỳ, học sinh được tham gia đánh giá, xếp loại hạnh kiểm các thành viên trong lớp, có biên bản đầy đủ. Tuy nhiên, năm học 2022 - 2023, các khối lớp trung học cơ sở chỉ có 1 lớp nên có khó khăn nhất định khi tổ chức các hoạt động phong trào. [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

Mức 2:

Trong năm học 2022 - 2023 trường có 10 lớp (4 lớp trung học cơ sở và 6 lớp

trung học phổ thông). Sĩ số học sinh trong các lớp đảm bảo theo quy định đối với từng cấp học [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

Mức 3:

Trong năm học 2022 - 2023 trường có 10 lớp (4 lớp trung học cơ sở và 6 lớp trung học phổ thông). Sĩ số học sinh trong các lớp đảm bảo theo quy định đối với từng cấp học (bình quân 25,3 em/lớp trung học cơ sở và 24 em/lớp trung học phổ thông) [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ các lớp trong từng cấp học theo quyết định hoạt động. Sĩ số học sinh lớp cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông đều đảm bảo theo qui định. Điều đó giúp cho việc tổ chức dạy học theo định hướng cá thể hóa được thuận lợi, giáo viên nắm chắc được năng lực của từng học sinh.

Nhà trường tổ chức biên chế lớp và ban cán sự lớp theo quy định của Luật Giáo dục và Điều lệ trường trung học. Giáo viên chủ nhiệm các lớp theo dõi sát sao học sinh và cập nhật tình hình học tập của các em thông qua đội ngũ cán bộ lớp.

Khuôn viên rộng rãi, yên tĩnh nên thuận lợi cho việc học tập và tổ chức các hoạt động của học sinh.

3. Điểm yếu

Năm học 2022 - 2023, các khối lớp trung học cơ sở chỉ có 01 lớp nên có khó khăn nhất định khi tổ chức các hoạt động phong trào.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường công tác tuyển sinh để đảm bảo có ít nhất 02 lớp trong cùng một khối để tăng tính thi đua giữa các lớp và việc tổ chức các hoạt động, các sân chơi cho học sinh được thuận lợi hơn.

Hàng năm, tổ chức cho giáo viên chủ nhiệm tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác chủ nhiệm. Giáo viên chủ nhiệm thường xuyên tư vấn, hỗ trợ để ban cán sự lớp điều hành hoạt động tự quản của lớp tốt hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên

quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có lưu trữ đủ hồ sơ, sổ sách về hoạt động giáo dục theo quy định tại điều 21 của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học gồm:

Đối với trường: sổ đăng bộ; sổ chuyên đi, chuyên đến; sổ cấp phát văn bằng, chứng chỉ; sổ gọi tên và ghi điểm; sổ ghi đầu bài; học bạ học sinh; hồ sơ thi đua; hồ sơ kiểm tra nội bộ; sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi, đến; hồ sơ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục; sổ quản lý tài chính; hồ sơ quản lý thư viện; hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên đối với giáo viên; hồ sơ theo dõi sức khoẻ giáo viên, nhân viên, học sinh; kế hoạch giáo dục của nhà trường (theo năm học).

Đối với tổ chuyên môn: kế hoạch hoạt động tổ chuyên môn, sổ sinh hoạt chuyên môn, phiếu dự giờ giáo viên.

Đối với giáo viên: kế hoạch bài dạy; sổ ghi chép sinh hoạt chuyên môn; sổ điểm cá nhân; sổ chủ nhiệm (đối với giáo viên làm công tác chủ nhiệm lớp).

Các loại hồ sơ sổ sách được lưu trữ, bảo quản theo từng bộ phận chức năng của nhà trường [H1-1.5-01]; [H1-1.6-01]; [H1-1.8-01].

b) Hằng năm, nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính theo đúng chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước, của doanh nghiệp. Thực hiện tự kiểm tra tài chính, tài sản định kỳ theo quy định; Hằng năm quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-03].

c) Nhà trường quản lý tài chính, tài sản thông qua các văn bản hướng dẫn cụ thể. Hàng năm nhà trường đều thực hiện báo cáo tài chính với cấp trên theo quy định và được lưu tại hồ sơ của kế toán [H1-1.6-05].

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện quản lý hành chính, tài chính và tài sản thông qua hệ thống các phần mềm: Website trường (www.nhanvanschool.edu.vn), cơ sở dữ liệu ngành (<http://truong.csdl.moet.gov.vn>), hệ thống thông tin quản lý giáo dục (<https://truong.hcm.edu.vn>), phần mềm (<https://chuyentruong.hcm.edu.vn>), phần mềm khai thuế, phần mềm khai nộp bảo hiểm xã hội. Thực hiện báo cáo trực tuyến theo yêu cầu. Tuy nhiên, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý tài chính, tài sản của nhà trường chưa đạt hiệu quả cao [H1-1.6-07].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm tự đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán. Thực hiện lưu trữ đầy đủ hệ thống hồ sơ, sổ sách, chứng từ [H1-1.6-07].

Mức 3:

Trường có kế hoạch ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường là một trường tư thục [H1-1.6-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện lưu trữ một cách đầy đủ, khoa học các văn bản, hồ sơ theo quy định hiện hành.

Công tác tài chính được lập dự toán sử dụng theo từng năm; hoạt động tài chính, kiểm kê tài sản luôn được thực hiện một cách công khai và dân chủ.

Hoạt động thu chi - tài chính luôn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật hiện hành và bám sát chi tiêu nội bộ.

Hoạt động báo cáo, kiểm tra tài chính và tài sản được diễn ra định kỳ.

3. Điểm yếu

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý tài chính và tài sản của nhà trường chưa đạt hiệu quả cao.

Nhà trường chưa lập được kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2022 - 2023 và những năm tiếp theo, lãnh đạo nhà trường sẽ xây dựng kế hoạch tài chính trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường và thực tế địa phương; Xây dựng kế hoạch tập huấn công tác ứng dụng công nghệ thông tin đa dạng hóa trong nhà trường để công tác quản lý đạt kết quả tốt hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên theo kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo, như: tập huấn về chuyên môn, tin học, ngoại ngữ; bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ quản lý và giáo viên chương trình giáo dục phổ thông 2018; bồi dưỡng

nghịp vụ cho giáo viên chủ nhiệm, giáo viên phụ trách tư vấn học đường, giáo viên phụ trách công nghệ thông tin [H1-1.7-01].

b) Hằng năm, hiệu trưởng có kế hoạch phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý dựa trên năng lực, điều kiện hoàn cảnh nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động [H1-1.7-02].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 29 của Thông tư số 32/2020/Tt-BGDĐT ngày 01 tháng 09 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.7-03].

Mức 2:

Nhà trường đã có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường, như: phân công nhiệm vụ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phù hợp với sở trường và năng lực; khen thưởng, động viên giáo viên, nhân viên tiêu biểu qua các phong trào thi đua dạy tốt, thực hiện tốt nhiệm vụ. Tuy nhiên, lực lượng giáo viên thỉnh giảng hằng năm không ổn định, nên việc định hướng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ còn gặp khó khăn. Một số giáo viên đứng tuổi có kinh nghiệm giảng dạy tốt nhưng chậm về đổi mới ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học [H1-1.7-02]; [H1-1.7-03];

2. Điểm mạnh

Việc phân công sử dụng đội ngũ hợp lý, hiệu quả; thực hiện đầy đủ các quyền, chế độ chính sách theo quy định đối với người lao động. Công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; bồi dưỡng thường xuyên cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên luôn được quan tâm và thực hiện minh bạch, công khai, đúng lộ trình, đáp ứng các yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp giáo viên và thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững, có ý thức tự học nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Điểm yếu

Lực lượng giáo viên thỉnh giảng hằng năm không ổn định, nên việc định hướng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ còn gặp khó khăn.

Một số giáo viên đứng tuổi có kinh nghiệm giảng dạy tốt nhưng chậm về đổi mới ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022 - 2023 và những năm tiếp theo hiệu trưởng xây dựng kế hoạch cụ thể, đề ra các biện pháp thích hợp để khích lệ giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin tốt hơn nữa trong công tác.

Cải tiến biện pháp đảm bảo tốt các chế độ, chính sách cho nhân viên theo quy định; ổn định và tạo điều kiện đội ngũ giáo viên, nhân viên nhà trường không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao ý thức tự bồi dưỡng.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) *Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*

b) *Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*

c) *Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Đầu năm học, căn cứ vào hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Phú, hội đồng trường và ban giám hiệu nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục, cụ thể hóa nội dung, thời gian thực hiện. Một số hoạt động giáo dục được xây dựng dựa trên tình hình thực tế của địa phương và điều kiện thực tế của nhà trường. Kế hoạch giáo dục nhà trường được phổ biến, quán triệt tới tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên vào đầu năm học [H1-1.8-01].

b) Hiệu trưởng và các bộ phận công tác thực hiện đúng kế hoạch giáo dục đã đề ra từ đầu năm học, thể hiện qua hồ sơ kiểm tra nội bộ, sổ ghi đầu bài của các lớp, qua báo cáo sơ kết học kỳ I và báo cáo tổng kết năm học [H1-1.8-02]; [H1-1.8-04].

c) Hằng tháng, trong buổi họp hội đồng sư phạm, ban giám hiệu thực hiện việc đánh giá hoạt động trong tháng để rút kinh nghiệm trên cơ sở đó có biện pháp điều chỉnh, bổ sung kế hoạch giáo dục cho phù hợp. Phó hiệu trưởng chuyên môn định kỳ kiểm tra sổ đầu bài để rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch giảng dạy của từng giáo viên. Tuy nhiên, học sinh đến học từ nhiều địa phương trên cả nước nên chất lượng đầu vào chưa đồng đều do đó việc thực hiện kế hoạch của một số tổ nhóm bộ môn còn hạn chế, chưa đạt được tất cả mục tiêu đề ra. Một vài giáo viên chưa thực hiện tốt việc ghi sổ đầu bài, còn cập nhật trễ thời gian quy định [H1-1.8-03].

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục được đánh giá tốt. Đầu mỗi năm học, hiệu trưởng triển khai các văn bản hướng dẫn liên quan vấn đề tăng tiết dạy phụ đạo cho học sinh yếu kém và bồi dưỡng cho học sinh khá giỏi đến toàn thể giáo viên để thực hiện thực hiện. Trường được phép tổ chức dạy học 02 buổi/ngày nên không tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường. Trong các buổi họp hội đồng sư phạm đều có rà soát, nhắc nhở để giáo viên nghiêm túc thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.8-04].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Nhà trường thực hiện đầy đủ và thường xuyên kiểm tra, điều chỉnh để đạt hiệu quả cao nhất.

3. Điểm yếu

Chất lượng đạt được của một số tổ bộ môn còn hạn chế do chưa rà soát kịp thời, điều chỉnh theo năng lực học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023 - 2024, lãnh đạo nhà trường tiếp tục tăng cường kiểm tra, đánh giá để từ đó rút kinh nghiệm trong việc quản lý nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, hiệu trưởng phối hợp cùng Ban Chấp hành Công đoàn tổ chức Hội nghị người lao động để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học trước, đồng thời xây dựng kế hoạch, quy chế liên quan đến các hoạt động của trường cho năm học tiếp theo. Việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường được công khai lấy ý kiến của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong Hội nghị viên chức. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch, quy chế. Các tổ chức, đoàn thể và các cá nhân nghiêm túc thực hiện đúng các quy định trong Quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường. Ban Chấp hành Công đoàn và Ủy ban kiểm tra giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường trong suốt năm học [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02].

b) Từ năm học 2018 - 2019 đến năm học 2022 - 2023 trường không xảy ra mất đoàn kết nội bộ; các khiếu nại (nếu có), các kiến nghị và những ý kiến phản ánh đều được giải đáp thỏa đáng [H1-1.9-03].

c) Hằng năm, trường đều báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo [H1-1.9-03].

Mức 2:

Việc giám sát thực hiện quy chế dân chủ cơ sở tại trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả. Hằng năm, trường xây dựng dự thảo quy chế chi tiêu nội bộ, lấy ý kiến đóng góp trong Hội đồng trường và tập thể sư phạm. Quy chế có hiệu lực sau khi đã thống nhất trong Hội nghị người lao động. Tuy nhiên, còn một số công đoàn

viên chưa mạnh dạn trong việc tham gia đóng góp ý kiến cho các hoạt động của nhà trường. [H1-1.6-06].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng đã phát huy tốt tính dân chủ trong trường học, thông qua lấy ý kiến rộng rãi trong toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trước khi ban hành kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế của đơn vị. Công tác thực hiện quy chế dân chủ được công khai, minh bạch và hiệu quả.

Nhà trường luôn chấp hành nghiêm chỉnh các thông tư, quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và sự chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo.

3. Điểm yếu

Một số công đoàn viên chưa mạnh dạn trong việc tham gia đóng góp ý kiến cho các hoạt động của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm 2022 - 2023, lãnh đạo nhà trường khuyến khích xây dựng, góp ý lẫn nhau, trong báo cáo cần ghi rõ hạng chế và hướng khắc phục.

Hiệu trưởng tiếp tục phối hợp công đoàn trong việc thực hiện dân chủ, tiếp tục minh bạch những vấn đề người lao động cần phải biết, kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên để xây dựng môi trường làm việc dân chủ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường thành lập Ban an toàn trường học, xây dựng kế hoạch liên tịch với công an và y tế phường Sơn Kỳ về “Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, an toàn vệ sinh thực phẩm” và phương án phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội. Đồng thời, hiệu trưởng đã đăng ký với Ban chỉ đạo an ninh trật tự, an toàn trường học quận Tân Phú về việc thực hiện tốt an ninh trật tự trường học [H1-1.10-01].

Nhà trường xây dựng đầy đủ các kế hoạch phòng chống tai nạn thương tích, phương án phòng cháy chữa cháy, có phân công, phân nhiệm rõ ràng cụ thể. Hằng năm, nhà trường đã phối hợp với lực lượng công an phòng cháy, chữa cháy quận Tân Phú để tổ chức tập huấn, thực tập, diễn tập phương án phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04].

Nhà trường có tổ chức bếp ăn tập thể, được kiểm tra và cấp giấy chứng nhận đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm [H1-1.10-02].

Công tác y tế học đường, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, tuyên truyền dịch bệnh, phòng chống ngộ độc thực phẩm được theo dõi và thực hiện thường xuyên [H1-1.10-04].

Trong nhiều năm qua, việc đảm bảo an ninh trật tự trong trường học của trường thực hiện tốt. Vào đầu mỗi năm học hoặc Tết Nguyên đán nhà trường đã triển khai đến tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh việc thực hiện nghiêm các chỉ thị của thành phố về việc cấm đốt pháo, đua xe, bài bạc, phòng chống cháy nổ [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04].

b) Trường đã triển khai các hình thức tiếp nhận ý kiến bằng nhiều giải pháp như: Hộp thư góp ý, số điện thoại đường dây nóng, tổ chức phân công trực ban đúng quy định,... để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân, của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Từ năm học 2018 - 2019 đến nay, trường đã thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn trường học, an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh; không có trường hợp mất an toàn nào xảy ra [H1-1.10-01]; [H1-1.10-06].

c) Nhà trường đã thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, công tác phổ biến giáo dục pháp luật, xây dựng môi trường học tập thân thiện, tổ chức các hoạt động sinh hoạt dưới cờ theo từng chuyên đề bám sát tình hình thực tế của xã hội đến từng học sinh. Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp với các chuyên đề về bình đẳng giới, tâm lý tuổi mới lớn; ...nên không để xảy ra trường hợp kỳ thị, các hành vi bạo lực trong trường, không vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1-1.10-07]; [H1-1.10-08].

Mức 2:

a) Lãnh đạo nhà trường đã thực hiện nghiêm các quy định về công tác đảm bảo an toàn, an ninh trường học, công tác phòng cháy chữa cháy, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; giao cho Ban an toàn trường học, nhân viên y tế, đoàn thanh niên tổ chức tuyên truyền các quy định, các văn bản chỉ đạo của cấp trên về phòng chống bạo lực học đường. Nhà trường cũng thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương, các ban ngành có liên quan, mời báo cáo viên (công an phòng cháy chữa cháy quận Tân Phú, cán bộ y tế phường Sơn Kỳ...) để tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, tập huấn

cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh. Đặc biệt, từ khi dịch Covid-19 xuất hiện đến nay, nhà trường đã thực hiện nghiêm các giải pháp về phòng, chống dịch để hạn chế tối đa những thiệt hại do dịch Covid-19 gây ra. Tuy nhiên, công cụ hỗ trợ cho công tác đảm bảo an ninh trật tự chưa được trang bị đầy đủ theo chuẩn [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-09].

b) Ban an toàn trường học và Ban giáo dục chính trị tư tưởng nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập thông tin liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả, không để xảy ra các trường hợp mất an toàn trong trường học. Nhà trường đã ký kết liên tịch trong công tác phối hợp đảm bảo an toàn trường học với chính quyền địa phương, cụ thể là công an địa phương, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh; không có hiện tượng gây rối trong trường học, không để xảy ra cháy nổ, mất cắp tài sản [H1-1.10-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chức năng trong công tác đảm bảo an toàn, an ninh trường học, phòng chống tai nạn thương tích, không có tệ nạn xã hội trong nhà trường. Công tác bảo vệ, phòng chống cháy nổ, dịch bệnh được nhà trường thực hiện nghiêm túc.

3. Điểm yếu

Do đã điểm trường ngoài công lập, nhân sự có nhiều biến động nhiều, nên công tác triển khai tập huấn về công tác đảm bảo an toàn, an ninh trường học, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ chưa được đảm bảo thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, ý thức giữ gìn an ninh trật tự, chấp hành pháp luật về an toàn giao thông cho học sinh.

Trong mỗi năm học, nhà trường tăng cường phối hợp với cha mẹ học sinh, các bộ phận trong trường, các cơ quan chức năng nhằm thực hiện đầy đủ, đảm bảo quy định an ninh trật tự, an toàn phòng chống cháy nổ.

Giáo viên chủ nhiệm thường xuyên giáo dục học sinh ý thức xây dựng môi trường thân thiện, đoàn kết, an toàn, không có bạo lực học đường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

✓ Điểm mạnh nổi bật

Nhà trường nhận thức tầm quan trọng của chiến lược phát triển nên đã xây dựng chiến lược phát triển của trường làm cơ sở định hướng cho các kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục phù hợp với từng năm học.

Quy chế dân chủ cơ sở được xây dựng và thực hiện công khai, minh bạch, đoàn kết nội bộ tốt, không có đơn thư khiếu nại, khiếu kiện.

Cơ cấu, biên chế nhà trường đầy đủ, đúng quy định của Điều lệ trường trung học và các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Sở Giáo dục Đào tạo. Bộ máy nhà

trường vững mạnh. Công tác rà soát, đánh giá các hoạt động sau mỗi học kỳ được thực hiện tốt. Đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng và có ý thức tự học để nâng cao trình độ chuyên môn.

Nhà trường đã phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chức năng trong công tác đảm bảo an toàn, an ninh trường học, phòng chống tai nạn thương tích. Không có tệ nạn xã hội trong nhà trường. Công tác bảo vệ, phòng chống cháy nổ, dịch bệnh được nhà trường thực hiện nghiêm túc đạt kết quả tốt.

✓ **Điểm yếu cơ bản**

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý tài chính và tài sản của nhà trường hiệu quả chưa cao.

Chưa có nhiều biện pháp để phát huy hết năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

Mức 1: 10/10 (100%); Mức 2: 2/10 (20%); Mức 3: 0/10 (0%)

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu

Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Nhân Văn có đủ số lượng cán bộ quản lý.

Giáo viên nhà trường đủ số lượng và có chất lượng, được đào tạo chuẩn theo yêu cầu của cấp học; giáo viên đã thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn và được hưởng các quyền lợi theo quy định hiện hành. Nhân viên làm công tác thư viện, thiết bị, văn phòng, kế toán, y tế trường học và nhân viên khác luôn cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ. Học sinh của nhà trường đảm bảo độ tuổi khi đến trường theo quy định, thực hiện đầy đủ quyền của tất cả học sinh.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều đạt chuẩn đào tạo theo tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cũng như công tác quản lý; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn vững vàng, có năng lực lãnh đạo tốt.

b) Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng tham gia tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ do ngành tổ chức cũng như luôn tự học tập, bồi dưỡng để không ngừng nâng cao năng lực quản lý [H2-2.1-01].

Mức 2:

a) Hằng năm, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều được Sở Giáo dục và Đào tạo đánh giá ở mức khá trở lên [H2-2.1-02].

b) Hằng năm, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều tham gia bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ nghiêm túc, được tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được tập thể hội đồng sư phạm nhà trường tín nhiệm. Tuy nhiên, do điều kiện công tác, hiệu trưởng tham gia chưa đầy đủ các đợt tập huấn về chương trình giáo dục phổ thông 2018, tập huấn về lý luận chính trị do Sở Giáo dục và Đào tạo, do địa phương tổ chức [H2-2.1-01].

Mức 3:

Từ năm học 2018 - 2019 đến năm học 2022 - 2023, hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên [H2-2.1-02].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng hội tụ đủ các điều kiện về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý đáp ứng được nhiệm vụ và các yêu cầu đổi mới quản lý giáo dục trong giai đoạn hiện nay.

Lãnh đạo đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Được sự tín nhiệm của tập thể sư phạm nhà trường, phụ huynh và học sinh.

3. Điểm yếu

Do điều kiện công tác, hiệu trưởng tham gia chưa đầy đủ các đợt tập huấn về chương trình giáo dục phổ thông 2018, tập huấn về lý luận chính trị do Sở Giáo dục và Đào tạo, do địa phương tổ chức.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2022 - 2023 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tham gia đầy đủ và có hiệu quả các đợt bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị do Sở Giáo dục và Đào tạo, do địa phương tổ chức đề cập nhật những thông tin chính thức, hiểu và nắm vững quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước từ đó có những định hướng thích hợp cho công tác tại đơn vị

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;
- c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Nhà trường có đủ số lượng và cơ cấu giáo viên đảm bảo việc dạy theo quy định tại. Các giáo viên được phân công giảng dạy theo đúng chuyên môn đào tạo [H2-2.2-01]; [H2-2.2-02].
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định [H2-2.2-03].
- c) Từ năm học 2018 - 2019 đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên [H2-2.2-03].

Mức 2:

- a) Từ năm học 2018 - 2019 đến nay, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp. [H2-2.2-03].
- b) Từ năm học 2018 - 2019 đến nay, đội ngũ giáo viên thành giảng và giáo viên biên chế ở các trường công lập nê đảm bảo đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên đúng quy định là 100%, trong đó 60 % đạt loại khá trở lên [H2-2.2-03].
- c) Giáo viên có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định

hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học. Trong 05 năm liên tiếp đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật [H2-2.2-04].

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường có trên 60% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên, chưa đạt tỉ lệ yêu cầu theo quy định [H2-2.2-03].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên chưa có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giáo viên của trường đủ về số lượng, ổn định, trình độ chuyên môn đảm bảo đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục phổ thông và các hoạt động giáo dục của nhà trường. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, số lượng cán bộ, giáo viên đạt trình độ Thạc sĩ; giáo viên có nhu cầu học sau đại học ngày càng tăng.

Kết quả đánh giá, xếp loại giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp đều đạt 100 % từ đạt trở lên.

3. Điểm yếu

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học được các cấp có thẩm quyền ra quyết định công nhận và cấp giấy chứng nhận

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2022 - 2023 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ giáo viên, tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn chính trị để nâng cao nhận thức, trình độ. Quan tâm, có chính sách hỗ trợ, khuyến khích giáo viên đầu tư cho nghiên cứu khoa học.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đội ngũ nhân viên đảm nhiệm các vị trí việc làm đúng chuyên môn, công tác thiết bị có giáo viên kiêm nhiệm, thực hiện tốt các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công [H1-2.3-01].

b) Hiệu trưởng phân công công việc phù hợp, hợp lý theo đúng chuyên môn, năng lực của từng nhân viên ở các bộ phận [H1-1.7-02].

c) Các nhân viên của nhà trường đều thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao và được đảm bảo các chế độ chính sách theo luật định. Đối với nhân viên đạt thành tích tốt thì nhà trường có khen thưởng [H1-2.3-02].

Mức 2:

a) Nhà trường có 02 kế toán, 01 văn thư, 01 y tế, 01 thư viện-thiết bị, đảm bảo đủ số lượng và đáp ứng nhu cầu hoạt động. Tất cả đều có trình độ từ trung cấp trở lên và được tham các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do các cấp tổ chức. Trong những năm học qua, nhân sự một số bộ phận chưa ổn định như giám thị, văn phòng, ảnh hưởng đến tính liên tục của công việc, ít nhiều gây khó khăn trong công tác quản lý [H2-2.3-02]; [H2-2.3-02]

b) Kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhân viên được đánh giá thông qua báo cáo hoạt động của tổ văn phòng, biên bản họp hội đồng thi đua đánh giá hằng năm từ năm học 2018 - 2019 đến năm học 2022 - 2023, không có nhân viên nào bị kỷ luật [H2-2.3-02].

Mức 3:

a) Nhân viên kế toán có trình độ đại học; nhân viên y tế có trình độ trung cấp, nhân viên thư viện có trình độ cao đẳng đều đảm bảo chuyên môn nghiệp vụ; công tác thiết bị do giáo viên kiêm nhiệm; các nhân viên khác đáp ứng yêu cầu công việc được giao [H2-2.3-01].

b) Hằng năm, nhân viên văn thư, kế toán, thư viện, thiết bị, y tế đều được tham gia đầy đủ các khóa tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định. Lãnh đạo nhà trường luôn khuyến khích, động viên và tạo điều kiện cho nhân viên được tham gia các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm [H1-1.7-03].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên được phân công công việc phù hợp với chuyên môn, thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ được giao, giải quyết kịp thời, công việc nhanh chóng, chính xác và khoa học.

3. Điểm yếu

Trong những năm học qua, nhân sự của một số bộ phận chưa ổn định như: giám thị, văn phòng, ảnh hưởng đến tính liên tục của công việc và ít nhiều gây khó khăn trong công tác quản lý.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2022 – 2023 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tuyển dụng bổ sung nhân viên để đảm bảo cho các hoạt động của nhà trường được ổn định và phát triển. Bên cạnh đó, nhà trường tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ theo vị trí việc làm, có chính sách đãi ngộ động viên kịp thời các nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ để ổn định nguồn nhân lực trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) *Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*
- b) *Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) *Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Học sinh của nhà trường đảm bảo đúng quy định về độ tuổi, không có học sinh học trước tuổi, không có trường hợp độ tuổi không đúng quy định của Điều lệ trường trung học vào học tại trường [H2-2.4-01]; [H2-2.4-01].

b) Đầu năm học, trường đã tổ chức cho học sinh học tập nội quy, quy định về nhiệm vụ, ngôn ngữ ứng xử của học sinh theo quy định từ Điều 33 đến Điều 38 theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và các quy định hiện hành. Giám thị, trợ lý thanh niên, giáo viên dạy lớp có trách nhiệm theo dõi giáo dục các em thực hiện. Giáo viên chủ nhiệm thường xuyên tổ chức cho học sinh học tập điều lệ nhà trường, nội quy lớp học, xử lý kịp thời các vi phạm. Kết quả học sinh thực hiện đầy đủ các quy định [H2-2.4-02].

c) Học sinh của trường được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 35 theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và các quy định khác của pháp luật như được quyền bày tỏ ý kiến thông qua hộp thư góp ý; được khám sức khỏe hàng năm; được đăng ký tham gia các hoạt động câu lạc bộ nhằm phát triển năng khiếu về các môn học, thể dục thể thao do nhà trường tổ chức; được giáo dục kỹ năng sống; được khen thưởng khi đạt thành tích cao trong học tập. Nhiều năm qua (từ năm học 2016 - 2017) nhà trường đã tổ chức cho các em học sinh các khối lớp chương trình học trải nghiệm thực tế kết hợp phong trào từ thiện giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn ở các địa phương các em đi qua. Cụ thể: các lớp thuộc khối trung học cơ sở sẽ được học chương

trình trải nghiệm thực tế tại các tỉnh Tây Nguyên: khối lớp 10 học trải nghiệm thực tế tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, khối 11 học trải nghiệm tại các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ, khối 12 học trải nghiệm các tỉnh Bắc Trung Bộ và một số tỉnh Bắc Bộ. [H2-2.4-03]; [H2-2.4-04]; [H2-2.4-05].

Mức 2:

Nhà trường có bộ phận giám thị, bảo vệ, ban kỷ luật theo dõi chặt chẽ, ngăn chặn và phát hiện kịp thời những học sinh vi phạm nội quy. Thường xuyên kết hợp với giáo viên chủ nhiệm, đoàn thanh niên và cha mẹ học sinh để có những biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyên biến tích cực [H2-2.4-07].

Nhà trường có ban kỷ luật nhằm giúp học sinh nhận biết lỗi vi phạm ở mức nào và hình thức xử lý; giám thị phối hợp với giáo viên chủ nhiệm theo dõi hồ sơ kỷ luật học sinh, liên hệ phụ huynh khi cần thiết để có giải pháp giáo dục học sinh kịp thời. Tuy nhiên, vẫn còn một số ít học sinh do hoàn cảnh gia đình, phụ huynh bận mưu sinh, thiếu quan tâm đến việc học của con em nên chưa đáp ứng các yêu cầu về học tập và rèn luyện đạo đức, chưa xác định được đúng và đầy đủ nhiệm vụ, hành vi, ngôn ngữ ứng xử. Vẫn còn học sinh chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ khi đến trường, còn thiếu tập trung học tập, còn bị nhắc nhở nhiều nên ảnh hưởng đến chất lượng, cũng như kết quả học tập. Một số học sinh chưa tự giác chấp hành nội quy, thầy cô phải thường xuyên nhắc nhở [H1-1.5-02]; [H2-2.4-07].

Mức 3:

Nhà trường thực hiện việc đánh giá xếp loại học sinh theo đúng quy định hiện hành. Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường đều được khen thưởng sau mỗi học kỳ hoặc sau mỗi phong trào thi đua, điều đó động viên khuyến khích học sinh tích cực học tập, rèn luyện đạt nhiều thành tích cao trong học tập và các hoạt động phong trào [H2-2.4-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt công tác giáo dục toàn diện cho học sinh. Học sinh của trường đảm bảo các quy định về độ tuổi theo học, được tạo điều kiện tốt để học tập và rèn luyện, được thường xuyên giáo dục kỹ năng sống, kết hợp phương pháp dạy học thực tế qua các chương trình học trải nghiệm giúp các em phát triển toàn diện. Có sự phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức đoàn thể trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Một số ít học sinh do hoàn cảnh gia đình, phụ huynh bận mưu sinh, thiếu quan tâm đến việc học của con em nên chưa đáp ứng các yêu cầu về học tập và rèn luyện đạo đức, chưa xác định được đúng và đầy đủ nhiệm vụ, hành vi, ngôn ngữ ứng xử.

Vẫn còn học sinh chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ khi đến trường, còn thiếu tập trung học tập, còn bị nhắc nhở nhiều nên ảnh hưởng đến chất lượng, cũng như kết quả học tập. Một số học sinh chưa tự giác chấp hành nội quy, thầy cô phải thường xuyên nhắc nhở.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên phụ trách pháp luật tổ chức nhiều chuyên đề về pháp luật để giới thiệu đến học sinh, giúp các em hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình đối với gia đình, nhà trường và xã hội. Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn tiếp tục

đẩy mạnh chất lượng hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp để giáo dục học sinh có ý thức, hành vi, ngôn ngữ ứng xử tốt.

Giáo viên chủ nhiệm và các giáo viên bộ môn cần quan tâm giúp học sinh có động cơ, hứng thú học tập; tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học để giúp học sinh hiểu bài ngay trên lớp; hướng dẫn học sinh phương pháp tự học; phối hợp tốt với phụ huynh để giáo dục học sinh; phân loại, sàng lọc những học sinh yếu để phụ đạo, củng cố kiến thức kịp thời.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

✓ Điểm mạnh nổi bật

Nhà trường đã thực hiện tốt cơ cấu tổ chức về cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh theo Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học. Trường có đủ số lượng và bảo đảm các tiêu chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng 02 cấp trung học phổ thông. Tập thể sư phạm đoàn kết, luôn là tấm gương cho học sinh noi theo. Nhà trường đã có nhiều giải pháp nâng cao chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ cho tập thể giáo viên, nhân viên.

Học sinh được quan tâm chăm sóc và giáo dục định hướng toàn phần theo phương châm “Dạy thực tế - Học tích cực”. Chất lượng đào tạo ổn định ở mức cao.

✓ Điểm yếu cơ bản

Nhân sự của một số bộ phận chưa thực sự ổn định, có sự thay đổi hằng năm, điều này ảnh hưởng đến tính liên tục của công việc và ít nhiều gây khó khăn trong công tác quản lý.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 4/4.

Mức 1: 4/4 (100%); Mức 2: 2/4 (50%); Mức 3: 0/4 (0%)

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học

Mở đầu

Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Nhân Văn là đơn vị giáo dục ngoài công lập, tự đầu tư xây dựng trường lớp, khu nội trú, sân chơi thể thao, bếp ăn, phòng học, các phòng chức năng để phục vụ cho hoạt động giảng dạy, học tập và sinh hoạt của học sinh như: sân chơi; bãi tập, khu để xe, khu vệ sinh và hệ thống cấp thoát nước đúng theo quy định.

Nhà trường có khối phòng học, phòng thực hành thí nghiệm, phòng vi tính luôn được quản lý chu đáo và đảm bảo cho các tiết dạy theo chương trình. Trang thiết bị dạy học và cơ sở vật chất của trường thường xuyên được nâng cấp, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao.

Trường có tổ chức nội trú, bán trú; có khuôn viên riêng biệt, tường rào xây kiên cố bao quanh, có cổng trường, biển trường và xây dựng được môi trường xanh, sạch, đẹp theo Điều lệ trường trung học.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

- a) *Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;*
- b) *Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;*
- c) *Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.*

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m²/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m²/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có diện tích khuôn viên là 2166m², diện tích xây dựng là 1580.7m², diện tích sàn là 5608.08m². Có khu sân chơi, bãi tập 585m². Nhà trường đã xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp, có cây xanh tạo cảnh quan môi trường luôn được thoáng mát, đảm bảo sức khỏe cho giáo viên và học sinh và tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-01].

b) Trường có cổng, biển tên trường theo quy định của Điều lệ trường trung học, có tường rào kiên cố bao quanh để đảm bảo an toàn cho khuôn viên trường học [H3-3.1-02].

c) Nhà trường có đầy đủ sân chơi, bãi tập với diện tích tương đối lớn, khu vực sân chơi đảm bảo vệ sinh, bóng mát và an toàn [H3-3.1-03].

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập được trang bị các dụng cụ phù hợp để học sinh tập luyện các môn thể thao như bóng đá, bóng rổ, cầu lông, bơi lội đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-04].

Mức 3:

Trường thuộc khu vực nội thành, có diện tích 24.38m²/học sinh (tính theo diện tích sàn xây dựng), diện tích 942m²/học sinh (tính theo diện tích khuôn viên); khu sân chơi, bãi tập có diện tích dưới 25% tổng diện tích sử dụng của trường. Tuy nhiên, trường nằm ngay trung tâm thành phố nên diện tích sân chơi bãi tập khó tách riêng biệt. Các dụng cụ luyện tập thể dục thể thao cho học sinh chưa được đa dạng [H3-3.1-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, thoáng mát; có hệ thống tường rào kiên cố, có cổng, biển tên trường, sân chơi bãi tập, hệ thống cấp thoát nước, nhà vệ sinh sạch sẽ đảm bảo đủ để học sinh, giáo viên yên tâm giảng dạy, học tập và tổ chức các hoạt

động giáo dục.

3. Điểm yếu

Nhà trường nằm ngay trung tâm thành phố nên diện tích sân chơi bãi tập khó tách riêng biệt.

Các dụng cụ luyện tập thể dục thể thao cho học sinh chưa được đa dạng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2022 – 2023, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch và tham mưu hội đồng quản trị rà soát trang bị thêm dụng cụ luyện tập thể dục thể thao cho học sinh.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khôi phục vụ học tập

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có 02 dãy phòng học, mỗi dãy cao 03 tầng. Có đủ số phòng học đáp ứng số lớp học; mỗi lớp học được trang bị đủ thiết bị, máy chiếu, ti vi, hệ thống âm thanh, bóng đèn, quạt điện, ổ cắm, công tắc riêng, cửa kính, đủ ánh sáng tự nhiên hoặc ánh sáng điện; phòng học thoáng mát; mỗi phòng học đủ bàn ghế học sinh loại 02 chỗ ngồi, bàn ghế giáo viên, bảng viết từ đúng quy định, đảm bảo điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; tất cả các lớp đều học 02 buổi/ ngày [H3-3.2-01].

b) Trường có các phòng học bộ môn theo quy định: phòng thực hành Lý, Hóa, Sinh, phòng học Stem, phòng tin học, phòng nhạc, phòng mỹ thuật, phòng Công nghệ và 18 phòng học [H3-3.2-02].

c) Trường có văn phòng đoàn, phòng thư viện, phòng truyền thống, và hội trường rộng rãi [H3-3.2-03].

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng theo quy định, tất cả các phòng học có trang bị màn chiếu, máy chiếu, ti vi và có kết nối internet phục vụ dạy học, thuận lợi cho giáo viên và học sinh trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và học tập. Các cầu thang rộng rãi, dễ di chuyển lên xuống bố trí ở 02 đầu mỗi dãy lớp học [H3-3.2-01]; [H2-3.2-02].

b) Khối phục vụ học tập có 02 dãy nhà 03 tầng, bố trí đầy đủ phòng học gồm 10 lớp/18 phòng, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định. [H3-3.2-03].

Mức 3:

Nhà trường đã trang bị đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định, các tủ đựng đảm bảo an toàn, các phòng học, phòng học bộ môn, thư viện đều được trang trí khoa học, hợp lý. Có hệ thống mạng internet cáp quang được kết nối tới tất cả các máy phục vụ quản lý và giảng dạy và lắp thiết bị phát wifi cho các tầng [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

Nhà trường có 100% học sinh bán trú và nội trú, nên trường trang bị đầy đủ hệ thống phòng ngủ có đầy đủ trang thiết bị, nội vụ cho từng học sinh, đảm bảo việc sinh hoạt hàng ngày cho các em học sinh một cách tốt nhất.

2. Điểm mạnh

Hệ thống phòng học và các phòng bộ môn, phòng chức năng của nhà trường đầy đủ, được bố trí hợp lý. Các thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học đáp ứng được yêu cầu tối thiểu cho các tiết dạy - học của giáo viên và học sinh.

Thư viện nhà trường đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giáo viên và học sinh.

Hệ thống công nghệ thông tin kết nối internet và website của nhà trường đáp ứng yêu cầu dạy, học và quản lý nhà trường.

3. Điểm yếu

Do thời gian xây dựng đã lâu nên một số phòng bộ môn, phòng hoạt động chưa đủ qui chuẩn theo yêu cầu đòi hỏi mới.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiệu trưởng chỉ đạo cán bộ thiết bị tiếp tục rà soát, bổ sung thiết bị cho các phòng bộ môn, đẩy mạnh hoạt động thực hành các môn học.

Có kế hoạch sớm để cải tạo, nâng cấp, bổ sung trang thiết bị cho một số phòng học bộ môn và phòng hoạt động đoàn thể để đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

- a) *Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;*
- b) *Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;*

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Khối hành chính của trường có đủ các phòng làm việc của hiệu trưởng, phòng giáo viên, phòng hành chính tổng hợp, phòng thư viện, phòng đoàn thể phòng y tế, phòng bảo vệ. Tất cả các phòng chức năng đều được trang bị bàn ghế, máy tính, máy photo, kệ, tủ... phù hợp với công năng sử dụng, đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường [H3-3.3-01]; [H3-3.1-04].

b) Nhà trường có khu để xe riêng biệt cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Khu để xe bằng phẳng, rộng, có mái che vững chắc, được bố trí hợp lý vị trí gần cổng ra vào thuận lợi cho việc di chuyển của giáo viên, nhân viên và học sinh, đảm bảo an toàn, trật tự không gây tiếng ồn ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục của nhà trường [H3-3.3-02].

c) Cuối và đầu năm học, ban kiểm tra nội bộ đều tổ chức phân công kiểm kê cơ sở vật chất, báo cáo để hiệu trưởng lập kế hoạch mua sắm, trang bị bổ sung cho năm học mới các thiết bị đồ dùng dạy học và thiết bị đồ dùng làm việc của khối hành chính - quản trị như máy tính, máy in, hệ thống mạng internet, bàn ghế, tủ hồ sơ, máy lạnh ... [H3-3.3-03].

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị có các phòng làm việc theo quy định với trang thiết bị đáp ứng yêu cầu làm việc như máy tính kết nối internet, máy in, máy lạnh, quạt, đèn,... phục vụ cho các hoạt động của nhà trường; nhà ăn, nhà nghỉ bán trú được bố trí hợp lý, có đủ trang thiết bị đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.3-01].

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị được trang bị đầy đủ thiết bị phục vụ cho công tác như máy in, máy tính được kết nối internet và được sắp xếp hợp lý, hỗ trợ tốt các hoạt động nhà trường. Tuy nhiên, phòng hành chính, khu vực căn tin còn nhỏ hẹp so với nhu cầu công việc và phục vụ sinh hoạt của học sinh [H3-3.3-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ khối phòng phục vụ học tập. Các khối phòng hành chính, phòng phục vụ học tập được quan tâm, chăm sóc, tu bổ hằng năm.

Khu vực học tập, hành chính - quản trị luôn đảm bảo gọn gàng ngăn nắp và sạch đẹp.

3. Điểm yếu

Khu vực căn tin còn nhỏ hẹp so với nhu cầu công việc và phục vụ sinh hoạt của học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hàng năm rà soát, bổ sung thiết bị y tế và tủ thuốc theo quy định.

Dự kiến kế hoạch cải tạo mở rộng, nâng cấp căn tin để phục vụ tốt hơn cho học sinh từ năm học 2024 - 2025.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có hệ thống nhà vệ sinh riêng biệt dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Khu nhà vệ sinh được xây dựng riêng cho nam và nữ, được bố trí hợp lý, tường nhà vệ sinh có ốp gạch men sạch sẽ, hợp vệ sinh, thoáng, có đủ ánh sáng, thuận lợi cho học sinh sử dụng [H3-3.4-01].

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Y tế: trường có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp, có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, nhà vệ sinh đảm bảo vệ sinh môi trường. Hiện tại, trường đang sử dụng nguồn nước thủy cục do Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn phân phối. Hàng năm, nhà trường thực hiện kiểm nghiệm nước định kỳ theo quy định, nguồn nước được cung cấp đầy đủ, đảm bảo an toàn theo tiêu chuẩn quy định cho học sinh và giáo viên, nhân viên. [H3-3.4-02]; [H3-3.4-03].

c) Nhà trường đã ký kết hợp đồng với doanh nghiệp tư nhân thu gom rác, việc thu gom rác hàng ngày đảm bảo yêu cầu. Thực hiện việc phân loại rác thành 02 nhóm như quy định, mỗi lớp học, mỗi phòng làm việc được trang bị 01 thùng rác. Rác được tập kết vào đúng vị trí quy định, thuận tiện cho xe đến thu gom, không gây ô nhiễm, đảm bảo vệ sinh sạch sẽ trường lớp [H3-3.4-04].

Mức 2:

a) Khu vệ sinh được bố trí phù hợp với cảnh quan trường học, mỗi tầng đều được bố trí các nhà vệ sinh riêng biệt dành cho nam và nữ có trang bị các thiết bị vệ sinh phù hợp với từng lứa tuổi, đảm bảo an toàn; hệ thống cấp thoát nước được thiết kế thuận tiện, đầy đủ và vệ sinh cho người sử dụng đảm bảo không ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, ý thức giữ gìn vệ sinh chung của một số học sinh chưa cao [H3-3.4-01].

b) Nhà trường có hệ thống cấp thoát nước được bố trí đúng quy định. Có nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, hệ thống cung cấp nước uống đạt tiêu chuẩn, hệ thống thoát nước được nạo vét thường xuyên. Việc thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Y tế. [H3-3.4-03]; [H3-3.4-04].

2. Điểm mạnh

Trường có thiết kế và xây dựng công trình cấp thoát nước, công trình vệ sinh đầy đủ theo quy định. Hệ thống nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng, nước uống đảm bảo về số lượng và chất lượng.

Khu vực nội trú riêng biệt dành cho nam và nữ. Đảm bảo nhu cầu sinh hoạt cho học sinh.

Hệ thống thu gom và xử lý rác đúng quy trình, đảm bảo cảnh quan môi trường xung quanh sạch sẽ, thông thoáng; khu để xe cho giáo viên, học sinh thuận lợi và an toàn.

3. Điểm yếu

Một số khu nhà vệ sinh nam nội trú nam chưa cải tạo đồng bộ.

Việc thu gom rác của công ty công ích chưa kịp thời, đôi khi có tình trạng dồn ứ rác sinh hoạt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022 - 2023 và các năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục sử dụng nguồn nước sạch, đạt chuẩn chất lượng đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng và sinh hoạt cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Tiếp tục thực hiện hệ thống thu gom và xử lý chất thải theo quy định và đảm bảo khu vệ sinh riêng cho học sinh nam, nữ, giáo viên, nhân viên,...luôn sạch sẽ, không ô nhiễm môi trường.

Đề nghị công ty dịch vụ thu gom rác thải sinh hoạt hàng ngày không để rác dồn ứ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hầu hết các phòng khối hành chính - quản trị được trang bị các thiết bị văn phòng phục vụ tốt cho các hoạt động của nhà trường như: điện thoại bàn, máy tính, máy fax, máy in, máy photo,... [H3-3.2-04].

b) Nhà trường đã trang bị đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: máy tính, máy chiếu, loa, micro, tranh ảnh, bản đồ, băng đĩa, phần mềm, thiết bị thí nghiệm. Các thiết bị dạy học hàng năm đều được bổ sung [H3-3.5-03].

c) Hằng năm, hội đồng trường và ban lãnh đạo chỉ đạo bộ phận cơ sở vật chất và các bộ môn tiến hành kiểm kê, đánh giá thực trạng đồ dùng dạy học để đề xuất sửa chữa và bổ sung mới kịp thời đáp ứng yêu cầu dạy và học [H3-3.5-01]; [H3-3.3-03].

Mức 2:

a) Toàn bộ hệ thống máy tính trong trường đều được kết nối internet phục vụ tốt công tác quản lý và hoạt động dạy học [H3-3.5-02].

b) Trường trang bị đầy đủ thiết bị dạy học theo quy định. Thiết bị dạy học, máy chiếu, ti vi, tranh ảnh, băng đĩa, phần mềm, dụng cụ thể thao như: cầu, vợt, đệm nhảy, bàn bóng, giá đỡ, sào, bàn đạp, dây... được sắp xếp, cất giữ tại các phòng học bộ môn và kho thiết bị [H3-3.5-03].

c) Hằng năm, nhà trường đều có kế hoạch rà soát bổ sung các thiết bị dạy học; ngoài ra, các giáo viên có đăng ký tự làm đồ dùng dạy học [H3-3.5-03].

Mức 3:

Các phòng thí nghiệm, thực hành có đủ thiết bị tối thiểu đảm bảo cho các tiết thực hành theo phân phối chương trình; thiết bị dạy học được sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Tất cả giáo viên đều đảm bảo được khai thác và sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học phục vụ giảng dạy và học tập trong các giờ lên lớp. Ngoài ra giáo viên còn tự làm đồ dùng dạy học để phục vụ cho giảng dạy (vẽ tranh ảnh, scan, in ấn...) đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng bộ môn. Tuy nhiên, một số giáo viên chưa đầu tư trong việc tự làm đồ dùng dạy học. Số lượng các đồ dùng dạy học tự làm chưa nhiều nên còn hạn chế trong việc phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập của nhà trường [H3-3.2-03].

2. Điểm mạnh

Bảo quản và khai thác triệt để thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học hiện có.

Hoạt động của bộ phận thiết bị được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định của các cấp, phục vụ tốt cho công tác giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh.

Hầu hết giáo viên của trường có sử dụng trang thiết bị và đồ dùng dạy học trong các tiết dạy. Hằng năm, nhà trường đều có kế hoạch sửa chữa, bổ sung đồ dùng và thiết bị dạy học.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên chưa đầu tư trong việc tự làm đồ dùng dạy học.

Số lượng các đồ dùng dạy học tự làm chưa nhiều nên còn hạn chế trong việc phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập của nhà trường

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2022 - 2023, hiệu trưởng tiếp tục phát động phong trào tự làm đồ dùng dạy học. Hằng năm tổ chức hội thi làm đồ dùng dạy học và đưa vào tiêu chí đánh giá thi đua giáo viên.

Tổ chuyên môn sắp xếp lịch thực hành, thí nghiệm hợp lý để tận dụng tối đa, có hiệu quả thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Thư viện của trường được trang bị các loại sách, báo, tạp chí, sách giáo khoa, các xuất bản phẩm tham khảo, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa. Thư viện đã phục vụ tốt hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động tuyên truyền các ngày lễ lớn, sinh hoạt chủ đề của nhà trường [H3-3.6-01].

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng tốt yêu cầu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh. Thư viện có kế hoạch năm và hàng tháng cụ thể, tổ chức thực hiện tốt việc đọc sách, giới thiệu sách và tuyên truyền các ngày lễ lớn trong năm đến giáo viên và học sinh. Nhân viên thư viện có chuyên môn nên hồ sơ sổ sách đầy đủ, phòng thư viện luôn được trang trí trình bày đẹp, khoa học, hợp lý [H3-3.6-02].

c) Hằng năm, thư viện trường luôn được bổ sung thêm nhiều loại sách, sách giáo khoa, sách nghiệp vụ, báo, tài liệu tham khảo phục vụ cho giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh. Nhà trường đặt báo định kỳ: báo Giáo dục, báo Giáo dục thời đại, báo Lao động, báo Thanh niên ... đáp ứng yêu cầu của cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh [H3-3.6-05].

Mức 2:

Việc đầu tư xây dựng thư viện của nhà trường còn hạn chế (diện tích phòng còn nhỏ, số đầu sách chưa thật nhiều nên chưa đạt thư viện đạt chuẩn. Chưa có phòng đọc riêng cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và phòng đọc riêng cho học sinh với tổng diện tích tối thiểu là 50 m²/phòng. Phần lớn giáo viên, nhân viên chưa có thói quen đọc sách tại thư viện. Thư viện còn thiếu một số tài liệu tham khảo cho giáo viên. Sách hằng năm có bổ sung nhưng còn hạn chế về thể loại [H3-3.6-04].

Mức 3:

Nhiều năm học thư viện của nhà trường hoàn thành kế hoạch đề ra, song việc đầu tư xây dựng thư viện của nhà trường còn hạn chế, diện tích phòng còn nhỏ, số đầu sách chưa nhiều nên chưa đạt thư viện đạt chuẩn. Thư viện có máy tính được kết nối internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.6-06].

2. Điểm mạnh

Thư viện hoạt động thường xuyên tất cả các ngày trong tuần, luôn đáp ứng được yêu cầu tham khảo, nghiên cứu, tra cứu, giải trí, nhu cầu đọc của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Phong trào đọc sách của học sinh nhất là học sinh nội trú khá tốt

Hàng năm, thư viện được bổ sung sách, báo, tạp chí, tài liệu tham khảo. Các văn bản qui phạm pháp luật đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh,

3. Điểm yếu

Thư viện còn thiếu một số tài liệu tham khảo cho giáo viên. Sách hằng năm có bổ sung nhưng còn hạn chế về thể loại.

Chưa có phòng đọc riêng cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và phòng đọc riêng cho học sinh với tổng diện tích tối thiểu là 50 m²/phòng.

Phần lớn giáo viên, nhân viên chưa có thói quen đọc sách tại thư viện.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2022 - 2023, nhà trường tiếp tục đầu tư cho thư viện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, số lượng và thể loại sách, báo từ nhiều nguồn khác nhau, coi trọng công tác xã hội hóa, phát động giáo viên và học sinh tặng sách đọc thêm và sách tham

khảo cho thư viện trường; bổ sung nguồn sách hay và thường xuyên giới thiệu những sách mới cho bạn đọc.

Nhân viên thư viện duy trì hoạt động đọc sách hiệu quả.

Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu và giới thiệu sách hay trong học sinh.

Dự kiến kế hoạch tổ chức phòng đọc riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong năm học 2024 - 2025.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

✓ Điểm mạnh nổi bật

Là trường ngoài công lập nhưng việc đầu tư, quản lý cơ sở vật chất, thiết bị luôn được quan tâm và thực hiện đầy đủ, đúng quy định. Nhà trường có đủ các phòng học, phòng thực hành thí nghiệm, phòng bộ môn và các phòng chức năng đáp ứng yêu cầu làm việc, dạy học và các hoạt động giáo dục; thực hiện mua sắm trang thiết bị kịp thời, đầy đủ, phục vụ cho công tác quản lý, giảng dạy và học tập một cách tốt nhất.

Cơ sở vật chất, môi trường sư phạm được nhà trường thường xuyên quan tâm chăm sóc, tu bổ, đảm bảo xanh, sạch đẹp.

✓ Điểm yếu cơ bản

Chưa có khu tập luyện thể dục tách biệt sân chơi, sinh hoạt của học sinh.

Do thời gian xây dựng phòng học bộ môn đã lâu, nên chưa đạt chuẩn theo yêu cầu đổi mới

Bàn ghế sử dụng lâu năm nên nhanh hư phải bảo trì, sửa chữa thường xuyên. Trang thiết bị một số nhà vệ sinh đã xuống cấp, cần tiếp tục được thay mới.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 6/6.

Mức 1: 6/6 (100%); Mức 2: 5/6 (83,3%); Mức 3: 1/6 (20%)

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu

Trong những năm học qua, nhà trường đã tạo được mối quan hệ tốt với gia đình và xã hội trong công tác giáo dục học sinh. Mỗi năm học, trường tổ chức họp cha mẹ học sinh và bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh. Ban đại diện cha mẹ học sinh có nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm, hoạt động theo đúng quy định. Nhà trường đã phối hợp có hiệu quả với Ban đại diện cha mẹ học sinh để nâng cao chất lượng giáo dục.

Với mục đích là tạo được mối liên kết chặt chẽ giữa nhà trường với cha mẹ học sinh và học sinh để giúp cho các em ngày càng tiến bộ trong học tập cũng như hoàn thiện hơn về bản thân mình trong việc tu dưỡng và rèn luyện đạo đức, giúp cho phụ huynh an tâm hơn khi gửi con em học tập tại trường. Nhà trường luôn quan tâm đến việc liên hệ giữa nhà trường với gia đình và xã hội; phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể địa phương, công an phường Sơn Kỳ, công an quận Tân Phú, Ban đại diện cha mẹ học sinh,... để cùng hỗ trợ các hoạt động giáo dục.

Trong năm học, trường tạo điều kiện thuận lợi cho Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động tốt theo Nghị quyết đã đề ra từ đầu năm. Định kỳ mỗi năm học, nhà trường

tổ chức họp cha mẹ học sinh và Ban đại diện cha mẹ học sinh ba lần để lắng nghe những ý kiến, đóng góp của phụ huynh về hoạt động của nhà trường cũng như bàn bạc, thảo luận các vấn đề có liên quan nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ từng năm học.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ban đại diện cha mẹ học sinh trường được thành lập hàng năm theo đúng quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh (Ban hành kèm Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, thông qua Đại hội cha mẹ học sinh được tổ chức đầu mỗi năm học. Ban đại diện cha mẹ học sinh được tổ chức đúng cơ cấu và hoạt động theo đúng quy định của thông tư 55 [H4-4.1-01].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh trường có kế hoạch hoạt động theo từng năm học và tổ chức các hoạt động của hội theo quy định. Nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện tốt kế hoạch và nghị quyết đã đề ra đầu năm học. Trường cung cấp đầy đủ các kế hoạch học tập, chương trình giáo dục đến cha mẹ học sinh, hỗ trợ cơ sở vật chất để Ban đại diện cha mẹ học sinh họp khi cần thiết [H4-4.1-02].

c) Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo đúng kế hoạch, phối hợp chặt chẽ thường xuyên với nhà trường trong việc quản lý, giáo dục học sinh và thực hiện những nhiệm vụ đề ra; phối hợp với giáo viên chủ nhiệm của lớp để chăm lo, quản lý, động viên học sinh tích cực học tập, rèn luyện đạo đức, tuân thủ nội quy của nhà trường. Mỗi học kỳ nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh họp để rà soát lại nhiệm vụ của Ban đại diện cha mẹ học sinh; đồng thời tổ chức các buổi họp phụ huynh tiếp thu ý kiến đóng góp của cha mẹ học sinh về công tác quản lý của nhà trường, bàn các biện pháp giáo dục học sinh và giải quyết các kiến nghị của cha mẹ học sinh để làm tốt hơn công tác phối hợp giữa gia đình và nhà trường [H4-4.1-03].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp tốt với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; làm tốt công tác phối hợp giữa ba môi trường gia đình - nhà trường - xã hội trong việc huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp, hạn chế học sinh lưu ban, bỏ học; đồng thời, nhà trường cũng hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh thông qua các buổi họp phụ huynh, trao đổi trực tiếp hoặc điện thoại và các thông tin đăng tải trên website của trường. Tuy nhiên, vẫn còn một số thành viên trong Ban đại diện cha mẹ học sinh chưa tham gia đầy đủ các cuộc họp, nên hoạt động chưa đạt hiệu quả cao như mong muốn. Ban đại diện cha mẹ học sinh ở một số lớp hoạt động chưa đồng đều, hiệu quả vận động, nắm bắt cụ thể tình hình học sinh và hỗ trợ giáo viên quản nhiệm chưa cao mới chỉ dừng lại ở việc tham gia đại hội cha mẹ học sinh cùng với Ban đại diện của trường [H4-4.1-03].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động khá tích cực, nhiệt tình, hỗ trợ nhà trường trong việc thực hiện tốt các nhiệm vụ giáo dục và là cầu nối giữa nhà trường với cha mẹ học sinh các lớp, luôn tiếp thu và phản ánh với lãnh đạo nhà trường các ý kiến đóng góp từ phụ huynh về công tác quản lý, các biện pháp giáo dục học sinh để giúp nâng cao chất lượng và cải tiến các biện pháp giáo dục học sinh nhằm xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh trong trường và ở địa phương [H4-4.1-04].

Không dừng lại ở đó, Ban đại diện cha mẹ học sinh còn phối hợp với nhà trường trong công tác huy động học sinh đến trường, vận động học sinh trở lại lớp [H4-4.1-04].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ học sinh có kế hoạch và hoạt động nhiệt tình, dành thời gian, công sức và luôn đồng hành với trường trong các hoạt động; phối hợp hỗ trợ có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục.

Hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh được sự đồng tình ủng hộ của các cha mẹ học sinh. Các thành viên trong Ban đại diện cha mẹ học sinh đều nhiệt tình, có trách nhiệm với công việc được giao và phối hợp tốt với nhà trường trong việc giáo dục học sinh.

3. Điểm yếu

Một số thành viên trong Ban đại diện cha mẹ học sinh chưa tham gia đầy đủ các cuộc họp, nên hoạt động chưa đạt hiệu quả cao như mong muốn.

Ban đại diện cha mẹ học sinh ở một số lớp hoạt động chưa đồng đều, hiệu quả vận động, nắm bắt cụ thể tình hình học sinh và hỗ trợ giáo viên quản nhiệm chưa cao mới chỉ dừng lại ở việc tham gia đại hội cha mẹ học sinh cùng với Ban đại diện của trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2022 - 2023, lãnh đạo nhà trường phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tăng cường trao đổi thông tin với Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp và tạo điều kiện để Ban đại diện cha mẹ học sinh thực

hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm theo quy định. Xây dựng kế hoạch và áp dụng công nghệ thông tin trong việc liên lạc giữa nhà trường và cha mẹ học sinh. Giáo viên quản nhiệm các lớp tìm hiểu và giới thiệu những thành viên tích cực, có thể tham gia đầy đủ các hoạt động phối hợp của Ban đại diện cha mẹ học sinh với nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) *Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

b) *Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

c) *Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

Mức 2:

a) *Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

b) *Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.*

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền về tình hình an ninh trật tự nhà trường, về tình hình học sinh, về công tác phối hợp với các tổ chức đoàn thanh niên, y tế, công an trong việc tuyên truyền, giáo dục, chăm sóc sức khỏe học sinh, tổ chức các lễ hội, các phong trào xã hội góp phần phát triển địa phương và thực hiện kế hoạch giáo dục của trường [H4-4.2-01]; [H4-4.2-04].

b) Trong các phiên họp với cha mẹ học sinh, với ban ngành, đoàn thể ở địa phương, hiệu trưởng đã tổ chức thông tin tuyên truyền về mục tiêu, nội dung kế hoạch giáo dục nhà trường, về đổi mới phương pháp dạy học, về các biện pháp phối hợp quản lý và giáo dục học sinh giữa gia đình, nhà trường và địa phương góp phần tăng cường sự hiểu biết của cộng đồng về nhà trường và cùng chung tay thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện; nhà trường đã kí kết liên tịch với công an phường và trung tâm y tế phường Sơn Kỳ trong việc giữ gìn an ninh trật tự trước cổng trường và an toàn vệ sinh thực phẩm [H4-4.2-03].

c) Trường thực hiện đúng các quy định về việc sử dụng tài chính trong đơn vị trường ngoài công lập nên tự chủ về tài chính. Hằng năm, nhà trường đã phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh hỗ trợ các hoạt động, khen thưởng học sinh giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc trong học tập, trong các hoạt động phong trào. Đoàn trường thường xuyên tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí trong các ngày lễ lớn, quà tặng có ý nghĩa với học sinh [H2-2.4-02].

Mức 2:

a) Hằng năm, lãnh đạo nhà trường tham mưu với chính quyền địa phương, tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện kế hoạch phát triển nhà trường, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia [H4-4.2-02].

b) Công tác phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân được nhà trường quan tâm thực hiện để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh, tổ chức thăm hỏi Mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng. Nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể tổ chức cho các em học sinh đi thăm các di tích lịch sử, nghĩa trang liệt sĩ, địa điểm văn hóa dân tộc tại địa phương. Việc huy động các nguồn lực của các tổ chức, cá nhân để hỗ trợ tổ chức một số hoạt động của nhà trường còn hạn chế do điều kiện làm việc, điều kiện thời gian [H4-4.2-02]; [H4-4.2-05].

Mức 3:

Nhà trường chưa tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương [H4-4.2-03]; [H4-4.2-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã chủ động trong công tác tham mưu chính quyền và phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương, với Ban đại diện cha mẹ học sinh để huy động nguồn lực xây dựng nhà trường và môi trường giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng, phát triển nhà trường.

Nhà trường quan tâm thực hiện công tác giáo dục giá trị đạo đức và kỹ năng sống cho học sinh

3. Điểm yếu

Việc huy động các nguồn lực của các tổ chức, cá nhân hỗ trợ một số hoạt động của nhà trường còn do điều kiện làm việc, điều kiện thời gian.

Chưa tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022 - 2023 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng nhà trường tiếp tục làm tốt công tác tham mưu với chính quyền địa phương, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể, Ban đại diện cha mẹ học sinh để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Nhà trường sẽ phối hợp có chất lượng và hiệu quả với các tổ chức, các cơ quan, doanh nghiệp, cá nhân đã có mối quan hệ để thực hiện tốt các hoạt động giáo dục. Đây

manh công tác xã hội hoá giáo dục, tăng cường cải tiến công tác phối hợp quan hệ giữa nhà trường với các tổ chức xã hội ngoài trường để đạt hiệu quả tốt hơn trong hoạt động giáo dục của nhà trường.

Hiệu trưởng chỉ đạo các lực lượng trong nhà trường xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh và phát triển nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

✓ Điểm mạnh nổi bật

Hiểu rõ tầm quan trọng của việc phối hợp giữa ba môi trường giáo dục: nhà trường, gia đình và xã hội trong việc giáo dục học sinh, nhà trường đã quan tâm xây dựng môi quan hệ chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh đồng thời làm tốt công tác phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh đạt hiệu quả nhất định.

Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động tốt, thường xuyên phối hợp với nhà trường để cùng trao đổi, đưa ra những giải pháp trong việc chăm lo giáo dục học sinh. chính quyền địa phương luôn nhiệt tình hỗ trợ nhà trường để giữ vững an ninh trật tự, an toàn giao thông và giải quyết kịp thời những nhu cầu từ phía nhà trường.

✓ Điểm yếu cơ bản

Một bộ phận cha mẹ học sinh do cuộc sống mưu sinh hoặc nhiều lý do khác nên còn hạn chế trong việc phối hợp với nhà trường trong công tác giáo dục học sinh.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 2/2 (100%).

Mức 1: 2/2 (100%); Mức 2: 0/2 (0 %); Mức 3: 0/2 (0 %)

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu

Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Nhân Văn là trường ngoài công lập nên trình độ đầu vào của học sinh không đều nhau. Tuy vậy trong những năm qua, kể từ khi thành lập trường đã thực hiện nhiều giải pháp không ngừng phấn đấu nâng cao chất lượng dạy và học.

Hàng năm, vào đầu năm học, hiệu trưởng lập kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ năm học theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn của các cơ quan quản lý cấp trên. Trong năm học, nhà trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo đúng thời gian quy định, tập trung chỉ đạo công tác chuyên môn đổi mới phương pháp giảng dạy; thực hiện tốt công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh yếu kém; tổ chức giảng dạy chương trình địa phương; qua đó chất lượng giáo dục của nhà trường đã có sự chuyển biến về mọi mặt, tỉ lệ lên lớp thẳng, tỷ lệ học sinh giỏi, học sinh tiên tiến hàng năm đều tăng, tỉ lệ học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông nhiều năm liền đạt 100%, cao hơn tỉ lệ chung toàn thành phố.

Song song với hoạt động chuyên môn nhà trường còn nỗ lực xây dựng một môi trường giáo dục thân thiện, nơi mỗi học sinh đều được quan tâm và được chăm lo tốt nhất, được tạo mọi điều kiện để phát triển toàn diện, được chuẩn bị hành trang để tự

tin bước vào cuộc sống trong thời đại hội nhập quốc tế. Ngoài giờ học trên lớp, học sinh còn được tham gia các hoạt động đoàn thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động dã ngoại, tham quan, trải nghiệm. Tất cả nhằm trang bị cho học sinh kỹ năng sống cần thiết nhất.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) *Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;*

b) *Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;*

c) *Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.*

Mức 2:

a) *Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;*

b) *Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.*

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Căn cứ vào kế hoạch thời gian năm học của Ủy ban nhân dân thành phố và hướng dẫn của Sở Giáo dục Đào tạo từng năm, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch hoạt động chuyên môn ngay từ đầu năm và hướng dẫn các tổ chuyên môn, giáo viên lập kế hoạch, thực hiện giảng dạy đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo mục tiêu giáo dục. Nhà trường thực hiện đúng kế hoạch thời gian năm học; kế hoạch dạy học của tổ chuyên môn và của giáo viên được thực hiện nghiêm túc, thể hiện qua sổ ghi đầu bài của các lớp được ghi chép đầy đủ và khoa học [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

b) Để đáp ứng mục tiêu giáo dục phổ thông, lãnh đạo nhà trường luôn quan tâm chỉ đạo giáo viên không ngừng đổi mới phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực như dạy học theo nhóm, dạy học tích hợp liên môn, phương pháp giáo dục phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin dựa theo chuẩn kiến thức kỹ năng.

Việc đầu tư lắp đặt máy tính có kết nối internet, trang bị hệ thống tivi 55 inch, loa, micro ở tất cả các phòng học, giúp giáo viên thực hiện dễ dàng việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Giáo viên nhà trường luôn quan tâm hướng dẫn học sinh

phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho học sinh; một số bộ môn đã tích cực tổ chức cho học sinh thực hiện các tiết học trải nghiệm bên ngoài nhà trường. Tuy nhiên, chưa mạnh dạn ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Một số giáo viên bộ môn chưa quan tâm đến việc phát hiện và bồi dưỡng học sinh giỏi. Sự đầu tư cho bồi dưỡng học sinh giỏi chưa nhiều [H5-5.1-05].

c) Lãnh đạo trường và bộ phận chuyên môn xây dựng các kế hoạch, Quy chế kiểm tra đánh giá theo Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT về Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông; Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT và Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông theo chương trình giáo dục phổ thông 2018. Chỉ đạo giáo viên thực hiện đánh giá, xếp loại học sinh theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ngoài yêu cầu đánh giá chính xác, công bằng và khách quan nhà trường còn thực hiện đổi mới nội dung và đa dạng hóa các hình thức kiểm tra đánh giá, như: kiểm tra thực hành, kiểm tra qua dạy học dự án, kiểm tra viết luận, kiểm tra trắc nghiệm, kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận, đảm bảo sự công bằng, khoa học, vừa sức, phù hợp đối tượng [H5-5.1-02]; [H5-5.1-03].

Mức 2:

a) Hằng năm, nhà trường giao cho các tổ, nhóm chuyên môn rà soát, xây dựng kế hoạch dạy học thống nhất lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh. Tổ chức thực hiện đúng kế hoạch, chương trình đã được phê duyệt.

Việc đổi mới phương pháp, hình thức dạy học, phân loại đối tượng đã được giáo viên thực hiện tốt nhằm phát triển năng lực cho học sinh. Thực hiện dạy học theo định hướng cá thể hóa, các giáo viên bộ môn đã thiết kế bài dạy với những câu hỏi, bài tập nhằm phát triển tư duy sáng tạo, mở rộng kiến thức dành riêng cho từng đối tượng học sinh [H1-1.4-03].

b) Công tác phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu kém trong học tập, rèn luyện được quan tâm.

Trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, từ đầu các năm học, ban giám hiệu yêu cầu giáo viên giảng dạy các bộ môn kết hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp kiểm tra, rà soát lựa chọn những học sinh có năng khiếu ở các môn học, tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi theo từng khối lớp để tham dự kỳ thi học sinh giỏi

Hiệu trưởng phân công giáo viên dạy phụ đạo cho học sinh yếu kém, gặp khó khăn trong học tập, chú ý rèn luyện học sinh trong từng tiết dạy và rút kinh nghiệm sau mỗi bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ hàng tháng; phân công cho giáo viên chủ nhiệm kiểm tra giám sát và kịp thời báo cáo kết quả học tập về phụ huynh [H5-5.1-05].

Mức 3:

Hằng năm, lãnh đạo nhà trường đều có rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả của các biện pháp, giải pháp tổ chức hoạt động giáo dục; cải tiến, bổ sung những giải pháp mới nhằm nâng cao chất lượng dạy học và giáo dục học sinh. Công tác kiểm tra của

lãnh đạo nhà trường và các tổ trưởng, nhóm trưởng chuyên môn được tiến hành thường xuyên, có nhận xét, rút kinh nghiệm kịp thời [H5-5.1-01]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch cụ thể chỉ đạo việc thực hiện giảng dạy theo đúng hướng dẫn của cấp trên. Các tổ, nhóm chuyên môn trong toàn trường đã tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục.

Nhà trường chú trọng đổi mới phương pháp dạy học và hướng dẫn học sinh phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, rèn luyện khả năng tự học trong học tập. Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Nhiều môn học có học sinh tham dự và đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức hàng năm. Việc kèm cặp, phụ đạo cho học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện được giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm các lớp quan tâm tổ chức thực hiện trong suốt năm học.

Giáo viên tham gia học tập các chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá, áp dụng vào công tác giảng dạy khá hiệu quả; việc áp dụng công nghệ thông tin trong dạy học làm tăng khả năng sáng tạo, vận dụng linh hoạt nhiều phương pháp giảng dạy của giáo viên và phát huy sự hứng thú, khả năng học tập tư duy của học sinh.

3. Điểm yếu

Còn một số ít giáo viên chưa mạnh dạn ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Một số giáo viên bộ môn chưa quan tâm đến việc phát hiện và bồi dưỡng học sinh giỏi. Sự đầu tư cho bồi dưỡng học sinh giỏi chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì, tăng cường các biện pháp kiểm tra, rút kinh nghiệm việc thực hiện kế hoạch dạy học của giáo viên.

Nhà trường tiếp tục đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin, khuyến khích giáo viên trẻ tham gia nhiệt tình các hội thi giáo viên giỏi, dạy học theo chủ đề tích hợp.

Tổ trưởng chuyên môn bồi dưỡng và khuyến khích giáo viên mạnh dạn ứng dụng công nghệ thông tin hợp lý vào việc giảng dạy và xem như một trong những tiêu chí bình xét thi đua cuối năm.

Từ năm học 2022 - 2023, lãnh đạo nhà trường sẽ có chính sách hợp lý để động viên giáo viên các bộ môn phát hiện và bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu tham dự các kỳ thi được nhiều hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh

khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Từ đầu mỗi năm học, nhà trường đã xây dựng đầy đủ các kế hoạch và triển khai thực hiện. Dựa vào kết quả khảo sát chất lượng đầu năm, kết quả tổng kết cuối năm ở năm học trước, lãnh đạo nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn, giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm tiến hành rà soát, phân loại học sinh giỏi, yếu, kém theo bộ môn ở các lớp và giao cho các tổ chuyên môn phân công giáo viên hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, phụ đạo học sinh yếu, bồi dưỡng học sinh giỏi các môn văn hóa [H1-1.4-03]. [H1-1.8-01].

b) Công tác tổ chức thực hiện các kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện được thực hiện nghiêm túc. Các tổ, nhóm chuyên môn phân công cụ thể cho giáo viên bộ môn quan tâm giúp đỡ, giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn và những học sinh có năng khiếu. Học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện được giáo viên chủ nhiệm xây dựng kế hoạch riêng và phối hợp với các giáo viên bộ môn để thực hiện trong quá trình giảng dạy, kiểm tra đánh giá theo quy định [H1-1.5-02]. [H1-1.8-01].

c) Sau mỗi học kỳ và cuối năm học nhà trường yêu cầu các tổ, nhóm chuyên môn, giáo viên bộ môn được giao cho phụ trách rà soát, đánh giá kết quả bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo giúp đỡ học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Khen thưởng kịp thời các em học sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi cấp thành phố và các em học sinh có ý thức vươn lên, tiến bộ trong học tập. Tuy nhiên, một số học sinh yếu chưa có ý thức học tập do mất căn bản và chuyển từ các tỉnh về thành phố, thiếu sự quan tâm động viên nhắc nhở của gia đình nên kết quả học tập chưa tiến bộ nhiều. Việc đầu tư thời gian, kinh phí cho công tác bồi dưỡng học sinh giỏi còn hạn chế nên số lượng học sinh giỏi các môn chưa đều và chưa ổn định [H2-2.4-06]; [H5-5.2-01].

Mức 2:

Từ năm học 2018 - 2019 đến năm học 2022 - 2023 nhà trường luôn quan tâm, tạo điều kiện để các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch từng năm học của trường. Hiệu trưởng đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu phù hợp điều kiện của trường. Giáo viên chủ nhiệm xây dựng kế hoạch riêng tùy theo từng học sinh yếu để phối hợp giáo viên bộ môn cùng cha mẹ học sinh chăm lo giúp đỡ, nhằm giúp các em cải thiện kết quả học tập

[H1-1.5-02]; [H1-1.8-01].

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường đều có học sinh tham dự và đạt thành tích cao trong các kì thi học sinh giỏi [H5-5.2-01].

2. Điểm mạnh

Ban lãnh đạo nhà trường quan tâm chỉ đạo chặt chẽ việc thực hiện kế hoạch phụ đạo học sinh yếu kém, bồi dưỡng học sinh giỏi. Có kế hoạch và phân công cụ thể mang lại hiệu quả tốt cho học sinh.

Các đối tượng học sinh được học tập, rèn luyện đáp ứng mục tiêu giáo dục theo kế hoạch.

3. Điểm yếu

Một số học sinh yếu chưa có ý thức học tập, thiếu sự quan tâm động viên nhắc nhở của gia đình nên kết quả học tập chưa tiến bộ nhiều.

Việc đầu tư thời gian, kinh phí cho công tác bồi dưỡng học sinh giỏi còn hạn chế nên số lượng học sinh giỏi các môn chưa đều và chưa ổn định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022 - 2023, hiệu trưởng và các tổ trưởng chuyên môn sẽ làm tốt hơn công tác đánh giá, rút kinh nghiệm về dạy bồi dưỡng của giáo viên, phân tích sâu những nội dung chưa đạt hiệu quả để tìm giải pháp khắc phục cho đợt dạy tiếp theo.

Tăng cường công tác đào tạo học sinh giỏi bằng cách tạo nguồn kinh phí, có chế độ khuyến khích các em vào đội tuyển.

Tăng cường phối hợp giữa giáo viên bộ môn, giáo viên chủ nhiệm và gia đình học sinh trong công tác phụ đạo học sinh yếu kém, hướng dẫn phương pháp tự học giúp học sinh học ở nhà hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;
- c) Hàng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Nhà trường thực hiện hướng dẫn số 5977/BGDĐT-GDTrH ngày 07 tháng 07

năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục địa phương ở cấp trung học cơ sở và cấp trung học phổ thông. Phó hiệu trưởng chuyên môn đã chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch năm học có nội dung giáo dục địa phương theo quy định.

Nội dung giáo dục địa phương được tổ chức giảng dạy thành các tiết quy định trong phân phối chương trình đối với các môn: Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân; ngoài ra, nội dung này cũng được tích hợp trong hoạt động ngoài giờ lên lớp và hướng nghiệp kết hợp việc dạy trên lớp [H5-5.3- 01].

b) Kế hoạch kiểm tra, đánh giá được triển khai ngay từ đầu năm học và thực hiện thường xuyên. Giáo viên môn Lịch sử, Địa lí tiến hành đánh giá, kiểm tra nội dung giáo dục địa phương trong quá trình giảng dạy với hình thức phù hợp, đảm bảo khách quan và đạt hiệu quả giáo dục. Ngoài ra, việc đánh giá các nội dung giáo dục địa phương còn được thực hiện thông qua việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa tập thể và tiết sinh hoạt dưới cờ [H5-5.1- 02].

c) Việc rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương cũng được thực hiện hàng năm qua hoạt động tự kiểm tra của tổ chuyên môn, của trường và kiểm tra, đánh giá của cấp trên. Việc rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương, đặc biệt trong môn Lịch sử được tiến hành theo kế hoạch phối hợp giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch thành phố. Tuy nhiên, tư liệu, tài liệu giảng dạy cho giáo viên về chương trình giáo dục địa phương còn ít, nghèo nàn, chưa cập nhật thường xuyên, giáo viên phải tự tìm tòi và thiết kế bài giảng nên chất lượng và hiệu quả chưa cao. Tài liệu tham khảo cho học sinh chưa phong phú. Việc dạy học thực địa, ngoại khóa tìm hiểu địa phương còn hạn chế [H5-5.3- 02].

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương được sử dụng từ các tư liệu, tài liệu được thống nhất từ các cấp quản lý của ngành (Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Phú, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh) nên phù hợp với mục tiêu môn học và có gắn lý luận với thực tiễn.

Trường thực hiện nội dung giáo dục địa phương đáp ứng với mục tiêu của từng môn học và phù hợp với thực tiễn. Do vậy, nội dung giáo dục địa phương gắn liền giữa lý luận với thực tiễn thông qua các hoạt động cụ thể: tham quan bảo tàng, khu di tích lịch sử, các cuộc gặp gỡ - giao lưu với chứng nhân lịch sử, hoạt động ngoại khóa. [H5-5.3- 01]; [H5-5.3- 02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có xây dựng kế hoạch nội dung giáo dục địa phương; việc thực hiện nội dung giáo dục địa phương được thực hiện đúng theo kế hoạch, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

Nội dung giáo dục địa phương được lồng ghép trong các tiết học theo phân phối chương trình đồng thời thực hiện nghiêm túc theo tài liệu của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Điểm yếu

Tư liệu, tài liệu giảng dạy cho giáo viên về chương trình giáo dục địa phương còn ít, nghèo nàn, chưa cập nhật thường xuyên, giáo viên phải tự tìm tòi và thiết kế bài giảng nên chất lượng và hiệu quả chưa cao. Tài liệu tham khảo cho học sinh chưa phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022 - 2023 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng nhà trường tiếp tục chỉ đạo tổ chuyên môn thực hiện nghiêm túc việc đánh giá nội dung giáo dục địa phương; rút kinh nghiệm và xây dựng kế hoạch, đề xuất điều chỉnh hình thức, nội dung để đảm bảo đạt hiệu quả giáo dục cao hơn.

Khuyến khích giáo viên và học sinh sưu tầm bổ sung các tư liệu, tranh ảnh, bản đồ về địa phương để nâng cao hiệu quả bài học.

Tăng cường liên hệ với địa phương để tổ chức cho học sinh tham quan, tìm hiểu và học tập.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm riêng cho từng khối lớp từ đầu năm học. Kế hoạch hướng nghiệp được xây dựng theo quy định, phù hợp với điều kiện thực tế của học sinh để giúp các em bước đầu có kiến thức cơ bản về các ngành nghề, từ đó lựa chọn cho mình một ngành nghề phù hợp với năng lực bản thân, nhu cầu xã hội và đặc điểm gia đình [H1-1.8-01].

b) Các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức theo kế hoạch, đảm bảo thời gian và nội dung hoạt động. Học sinh các khối lớp được tham gia các hoạt động trải nghiệm và giáo dục hướng nghiệp cho theo đúng chủ đề, thời lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, riêng khối 12 học sinh được tham gia các buổi tư vấn do các trường đại học phối hợp với Báo Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức [H5-5.4-03].

c) Các hoạt động hướng nghiệp, trải nghiệm tích hợp được tổ chức theo khối lớp. Trường đã huy động giáo viên chủ nhiệm tất cả các lớp, giáo viên bộ môn trong chương trình học tập trải nghiệm và lực lượng đoàn viên chi đoàn giáo viên tham gia cùng học sinh [H5-5.4-02].

Mức 2:

a) Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp hàng năm được tổ chức dưới nhiều hình thức phong phú, phù hợp với học sinh như: hoạt động câu lạc bộ, tham quan dã ngoại, các hội thi, hoạt động giao lưu, sinh hoạt tập thể, thể dục thể thao, tổ chức các ngày hội,... Mỗi hình thức hoạt động trên đều mang ý nghĩa giáo dục nhất định. Ngoài ra, nhà trường còn tổ chức các chuyên đề hướng nghiệp tự chọn mà học sinh yêu thích; tổ chức buổi học trải nghiệm sáng tạo của các bộ môn, tổ chức các chuyên tham quan, học tập trải nghiệm các tỉnh thành trên khắp cả nước. Riêng học sinh khối 12 được tham gia các buổi tư vấn tuyển sinh do các trường đại học phối hợp với Báo Giáo dục thành phố tổ chức [H5-5.4-01]; [H5-5.4-02]; [H5-5.4-03].

b) Cuối mỗi năm học, nhà trường có tổ chức rà soát đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp của học sinh để rút kinh nghiệm năm sau làm tốt hơn năm trước. Tuy nhiên, vẫn còn học sinh chưa thấy được tầm quan trọng của việc định hướng nghề nghiệp nên chưa tích cực tham gia học hướng nghiệp [H5-1.1-03]; [H5-1.3-10].

Trong những khoảng thời gian bị ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, học sinh phải tạm dừng đến trường, các hoạt động chung của trường và hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường chưa thực hiện được hết kế hoạch đề ra.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch trải nghiệm, giáo dục hướng nghiệp theo đúng các văn bản hướng dẫn của các cấp và phù hợp tình hình thực tiễn nhà trường, địa phương.

Nhà trường tổ chức thực hiện các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh với nhiều hình thức và nội dung phong phú.

3. Điểm yếu

Vẫn còn học sinh chưa thấy được tầm quan trọng của việc định hướng nghề nghiệp nên chưa tích cực tham gia học hướng nghiệp.

Trong những khoảng thời gian bị ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, học sinh phải tạm dừng đến trường, các hoạt động chung của trường và hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường chưa thực hiện được hết kế hoạch đề ra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường giáo dục nhận thức cho học sinh, cha mẹ học sinh hiểu rõ hơn về mục đích yêu cầu và lợi ích của chương trình học nghề phổ thông để các em tham gia học tập tích cực để đạt kết quả cao hơn. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác giáo dục hướng nghiệp cho học sinh lớp 12.

Trong năm học 2022 - 2023 và các năm học tiếp theo, hiệu trưởng phát huy những thế mạnh của nhà trường trong việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp; phân công giáo viên dạy, hướng dẫn hướng nghiệp, trải nghiệm thường xuyên nhắc

nhờ ý thức, thái độ học tập và xử lý đối với những học sinh chưa tham gia nghiêm túc các buổi hướng nghiệp, trải nghiệm. Mặt khác, cần tăng cường các hình thức tổ chức phong phú để giúp học sinh trải nghiệm và được hướng nghiệp hiệu quả.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phù hợp với khả năng của học sinh và điều kiện của trường, như: kỹ năng giao tiếp; kỹ năng tự nhận thức; kỹ năng ứng phó, kiềm chế; kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm; biết chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, không nói tục chửi thề, đánh nhau; giữ gìn vệ sinh môi trường; không vi phạm luật giao thông cho học sinh.

Hàng năm, học sinh được giáo dục kỹ năng sống lồng ghép trong các môn học chương trình chính khóa, qua các hoạt động ngoại khóa, hoạt động tập thể, giáo dục ngoài giờ lên lớp, các hoạt động dã ngoại, các buổi sinh hoạt chào cờ đầu tuần, tiết sinh hoạt chủ nhiệm,

Tổ chức các chuyên đề, các buổi tuyên truyền về sức khỏe, phòng chống tai nạn thương tích, an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn giao thông [H1-1.8-01].

b) Lãnh đạo nhà trường đã quan tâm, tổ chức nhiều hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh... Qua đó, tạo cho học sinh phong cách sống lành mạnh, an toàn. Học sinh đã được rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, nâng cao hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật. Thông qua các hoạt động tuyên truyền và giáo dục kỹ năng sống, khả năng xử lý các tình huống, khả năng giao tiếp, ứng xử và tổ chức các hoạt động có chuyển biến tích cực [H5-5.5-01].

c) Thông qua các hoạt động trên, học sinh học được cách ứng xử có văn hoá, biết

đoàn kết, thân ái, giúp đỡ lẫn nhau góp phần giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của các em. Đạo đức, lối sống tốt đẹp lành mạnh của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Chất lượng giáo dục đạo đức cho học sinh đạt kết quả tốt. Hằng năm, tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt trên 98% [H5-5.6-01].

Mức 2:

a) Nhà trường phân công giáo viên bộ môn hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện trong các giờ học, giờ thực hành, hoạt động ngoại khóa; giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn học sinh tự đánh giá kết quả các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, xếp loại hạnh kiểm cuối học kỳ, cuối năm học [H5-5.5-05].

Việc tự kiểm tra, đánh giá nhìn nhận kết quả học tập của học sinh được thực hiện bằng nhiều hình thức: dùng thang đo mức độ đáp ứng yêu cầu của giáo viên, bản thân học sinh tự đánh giá, tự đối chiếu so sánh với mục tiêu đặt ra ban đầu, sự đánh giá nhận xét của tập thể [H2-2.4-05].

b) Các hoạt động giáo dục kỹ năng sống góp phần hình thành các kinh nghiệm và thói quen tốt vào các hoạt động thực tiễn trong học tập và trong sinh hoạt hàng ngày cho học sinh. Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển qua các buổi học tập trải nghiệm, các em biết tự tìm tòi giải quyết các vấn đề thực tiễn như vận dụng vào các môn học như: Toán, Lý, Hoá, Sinh, Sử, Địa...; tự nghiên cứu đề tài, thuyết trình và bảo vệ đề tài trước hội đồng giám khảo, các em biết áp dụng bài học và thực tế khi đi học trải nghiệm để sản xuất ra xà phòng, hoá mỹ phẩm, tạo năng lượng mặt trời ứng dụng cho sinh hoạt của nhà trường [H5-5.5-04]; [H5-5.5-05].

Mức 3:

Việc lồng ghép các nội dung ứng dụng khoa học vào các môn học như Toán học, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ, Tin học đã giúp các em được học các nội dung gắn liền với thực tế sản xuất và đời sống. Qua đó giúp cho học sinh có ý thức và biết cách vận dụng các kiến thức khoa học vào thực tế đời sống, nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống. Bước đầu một số học sinh đã có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo chỉ dẫn của thầy cô. Các em thích nghiên cứu và làm ra các sản phẩm có thể ứng dụng trong học tập, sinh hoạt hàng ngày [H5-5.5-06].

Một số tổ chuyên môn chưa có phương án tích cực nâng cao hoạt động nghiên cứu khoa học trong học sinh ở tất cả các môn.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có kế hoạch và thực hiện có hiệu quả các nội dung giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống thông qua các môn học trên lớp, tổ chức được nhiều hoạt động cho học sinh tham gia, thông qua đó giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm đạt hiệu quả. Các hoạt động chuyên đề ngoại khóa phù hợp với lứa tuổi, mang tính giáo dục cao, rèn luyện được các kỹ năng mềm cho học sinh. Có sự phối hợp tham gia của các lực lượng ngoài nhà trường trong việc giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh.

Học sinh tham gia tốt các hoạt động giáo dục kỹ năng sống do tập thể giáo viên

nhà trường tổ chức. Từ đó có chuyển biến tích cực về đạo đức, lối sống đồng thời khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh cũng từng bước được hình thành, phát triển.

3. Điểm yếu

Một số tổ chuyên môn chưa có phương án tích cực nâng cao hoạt động nghiên cứu khoa học trong học sinh ở tất cả các môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2022 - 2023, lãnh đạo nhà trường sẽ tiếp tục phối hợp với các tổ chức, đoàn thể trong và ngoài trường để đa dạng hóa các hình thức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.

Quan tâm đến kế hoạch nghiên cứu khoa học nhằm khuyến khích giáo viên và học sinh tham gia vào hoạt động này. Hiệu trưởng phân công cụ thể, tạo điều kiện thuận lợi, động viên giáo viên và học sinh tích cực tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học và tổ chức đều ở các môn khoa học tự nhiên, xã hội.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*
- b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*
- c) *Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.*

Mức 2:

- a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;*
- b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.*

Mức 3:

- a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:*
 - *Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;*
 - *Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;*
 - *Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;*
 - *Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;*

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường. Học sinh các khối lớp từ 6 đến 11 có học lực từ trung bình đạt 98,2%, trong đó học sinh xếp loại khá, giỏi từ 65% trở lên; 100% số học sinh khối lớp 12 đủ điều kiện tham dự kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông Quốc gia [H1-1.2-03].

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp trong 05 năm liên tục đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H1-1.2-03]; [H5-5.6-01].

c) Lãnh đạo nhà trường có kế hoạch định hướng phân luồng các em học sinh sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông. Ngoài việc chú trọng đưa nội dung giáo dục hướng nghiệp tích hợp trong chương trình các môn học và hoạt động giáo dục, nhà trường tăng cường phối hợp với các trường Trung học cơ sở, các trường Đại học - Cao đẳng - Trung cấp, tổ chức các hoạt động tuyên truyền tư vấn hướng nghiệp và định hướng phân luồng cho học sinh [H5-5.4-01].

Mức 2:

a) Kết quả học lực của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm qua. Số lượng học sinh khá, giỏi luôn chiếm ở mức cao luôn trên 75% và tăng dần qua từng năm học, số lượng học sinh trung bình, yếu, kém chiếm ở mức thấp.

Bảng thống kê học lực học sinh

Năm học Học lực	2018 - 2019		2019 - 2020		2020 - 2021		2021 - 2022		2022 - 2023	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Giỏi	69	17,00	51	14,09	78	26,90	38	16,89	70	28,46

Khá	211	51,96	181	50,00	152	52,41	120	53,34	135	54,88
Trung bình	120	29,56	120	33,15	53	18,28	64	28,44	39	15,85
Yếu	06	1,48	10	2,76	7	2,41	3	1,33	02	0,81
Kém	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

(Ghi chú: SL: Số lượng (*học sinh*))

Kết quả hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm qua. Số học sinh đạt hạnh kiểm tốt, khá luôn trên 90% và ngày càng tăng [H6-5.6-03].

Bảng thống kê Hạnh kiểm học sinh

Năm học Hạnh kiểm	2018 - 2019		2019 - 2020		2020 - 2021		2021 - 2022		2022 - 2023	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Tốt	314	77,34	250	69,06	219	75,52	153	68	226	91,87
Khá	86	21,18	94	25,97	59	20,34	49	21,78	17	6,91
Trung bình	06	1,48	18	04,97	12	4,14	19	8,44	03	1,22
Yếu	0	0	0	0	0	0	04	1,78	0	0

(Ghi chú: SL: Số lượng (*học sinh*))

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp chuyển biến tích cực trong 05 năm qua luôn trên 98%. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp có những chuyển biến tích cực, cấp trung học cơ sở luôn đạt trên 100%; cấp trung học phổ thông 05 năm liền đạt 100% [H6-5.6-03].

Bảng thống kê tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp

Năm học	Tỷ lệ học sinh lên lớp (%)			Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp (%)	
	Toàn trường	Cấp THCS	Cấp THPT	Cấp THCS	Cấp THPT
2017 - 2018	100	100	100	100	100
2018 - 2019	99,72	99,34	100	100	100
2019 - 2020	99,66	100	99,39	100	100
2020 - 2021	99,56	100	99,33	100	100
2021 - 2022	99,19	98,02	100	100	100

Mức 3:

a) Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường đạt trên 38%, trong đó cấp trung học cơ sở là trên 16%, cấp trung học phổ thông đạt trên 24%.

Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường đạt trên 70%, trong đó cấp trung học cơ sở là trên 46%, cấp trung học phổ thông đạt trên 50%.

Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của toàn trường (trung bình chung của cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông) dưới 5% [H6-5.6-03].

Bảng thống kê tỷ lệ (%) xếp loại học sinh giỏi, khá, yếu, kém theo cấp học

Năm học	2018 - 2019		2019 - 2020		2020 - 2021		2021 - 2022		2022 - 2023	
	Cấp THCS	Cấp THPT	Cấp THCS	Cấp THPT	Cấp THCS	Cấp THPT	Cấp THCS	Cấp THPT	Cấp THCS	Cấp THPT
Giỏi	18,29	16,12	15,69	12,92	14,96	35,98	12,99	18,92	17,82	35,86
Khá	50,61	52,89	35,29	30,62	48,03	55,49	48,05	56,08	51,49	57,24
Trung bình	29,27	29,75	44,44	24,88	31,50	7,93	37,66	23,65	28,71	6,90
Yếu	01,83	01,24	4,58	04,78	5,51	0	1,30	1,35	1,98	0
Kém	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt luôn trên 90%.

Bảng thống kê tỷ lệ hạnh kiểm tốt, khá của học sinh theo cấp học

Năm học	2018 - 2019		2019 - 2020		2020 - 2021		2021 - 2022		2022 - 2023	
	Cấp THCS	Cấp THPT	Cấp THCS	Cấp THPT	Cấp THCS	Cấp THPT	Cấp THCS	Cấp THPT	Cấp THCS	Cấp THPT
Số lượng	160	240	144	200	123	155	69	133	99	144
Tỷ lệ (%)	95,56	99,17	94,12	95,69	96,85	94,51	89,61	89,86	98,02	93,31

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học của trường trong 05 năm qua là không quá 7%; tỷ lệ học sinh lưu ban không quá 1% [H6-1.5-02].

Bảng thống kê tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban

Năm học	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023
Tỷ lệ bỏ học	2,96 %	1,93 %	6,53 %	4,00 %	5,28 %
Tỷ lệ lưu ban	0 %	0 %	0 %	0 %	0,81%

2. Điểm mạnh

Kết quả xếp loại về học lực và hạnh kiểm của học sinh các khối lớp đều đáp ứng được mục tiêu giáo dục của cấp học và của nhà trường đề ra.

Hàng năm có tỷ lệ học sinh xếp loại học lực giỏi, khá vượt mức 3 và tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt, khá vượt mức 3.

Tỷ lệ tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông luôn được giữ vững, cao hơn tỷ lệ chung của thành phố.

3. Điểm yếu

Trong 05 năm gần nhất, số học sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi cấp Thành phố chưa nhiều và chưa giữ được mức ổn định.

Kết quả chất lượng giáo dục của môn Tiếng Anh chưa thật cao và đồng đều ở các khối lớp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2022 - 2023 và các năm tiếp theo, lãnh đạo trường tăng cường giáo dục kỷ cương, nề nếp và thực hiện nhiều giải pháp để nâng cao chất lượng, trong đó đặc biệt chú ý đến công tác đổi mới phương pháp giảng dạy đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018, duy trì tỉ lệ học sinh khá, giỏi; chú trọng phương pháp dạy học theo cá thể phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi nhằm nâng cao số lượng và chất lượng học sinh giỏi đạt giải trong các kỳ thi.

Trường sẽ tiếp tục tăng cường công tác khuyến học khuyến tài để khích lệ giáo viên và học sinh trong dạy học.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

✓ Điểm mạnh cơ bản

Trong 05 năm qua, nhà trường đã không ngừng thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức và văn hóa cho học sinh.

Hoạt động dạy và học của nhà trường được thực hiện có nề nếp, đảm bảo nội dung chương trình và kế hoạch thời gian năm học theo quy định. Việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá được thực hiện nghiêm túc theo chỉ đạo của ngành.

Các hoạt động giáo dục kỹ năng sống được thực hiện thường xuyên và có hiệu quả nhằm trang bị cho học sinh những kỹ năng sống cần thiết nhất trong thời kỳ hội nhập

Kết quả xếp loại hạnh kiểm và học lực hằng năm của học sinh đáp ứng mục tiêu giáo dục. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp phổ thông trung học luôn luôn cao hơn so với mặt bằng chung toàn thành phố, liên tục nhiều năm đạt 100%.

✓ Điểm yếu cơ bản

Phong trào nghiên cứu khoa học trong học sinh còn nhiều hạn chế do thiếu người hướng dẫn, học sinh chưa đam mê.

Kết quả xếp loại hạnh kiểm và học lực vẫn cần tiếp tục cải tiến để duy trì bền vững chất lượng giáo dục của nhà trường.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06 (100%)

Mức 1: 6/6 (100%); Mức 2: 5/6 (83,3 %); Mức 3: 0/6 (0 %)

Phần III

KẾT LUẬN CHUNG

Thực hiện chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, và hướng dẫn của phòng Khảo thí và kiểm định chất lượng, trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông Nhân Văn đã tổ chức thực hiện tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục tại đơn vị theo các công văn hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong suốt quá trình tự đánh giá theo 05 tiêu chuẩn mà Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành, Hội đồng tự đánh giá trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông Nhân Văn đã làm việc nghiêm túc, khách quan và thực hiện đúng quy trình để nhìn nhận đánh giá thực trạng của nhà trường kể từ năm học 2018 - 2019 đến năm học 2022 - 2023.

Các nhóm công tác đã nghiên cứu kỹ văn bản hướng dẫn, nhất là thông tư 18/2018/TT-BGDĐT, tích cực thu thập minh chứng, đối chiếu tiêu chí, tiêu chuẩn để có cơ sở đánh giá. Với sự nỗ lực chung của các thành viên trong ban kiểm định của nhà trường, chúng tôi đã có được những minh chứng cần thiết theo yêu cầu.

Đối chiếu các thành quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong những năm qua với bộ tiêu chuẩn đánh giá được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành một cách tổng thể, khách quan. Kết quả tự đánh giá đạt được như sau:

Tự đánh giá tiêu chí Mức 1

Số lượng các tiêu chí đạt: 28/28 – Tỷ lệ: 100%

Số lượng các tiêu chí không đạt: 0/28 – Tỷ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 2

Số lượng các tiêu chí đạt: 14/28 – Tỷ lệ: 50,0%

Số lượng các tiêu chí không đạt: 14/28 – Tỷ lệ: 50,0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 3

Số lượng các tiêu chí đạt: 2/20 – Tỷ lệ: 10,0%

Số lượng các tiêu chí không đạt: 18/20 – Tỷ lệ: 90,0%

Mức đánh giá của trường: Mức 1

Căn cứ vào Điều 6 của Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 08 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học, trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Nhân Văn đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 1.

Trên đây là toàn bộ Báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục của trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông Nhân Văn về công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường phổ thông. Nhà trường kính mong cơ quan chủ quản, cấp ủy chính quyền địa phương, các thành viên trong Hội đồng đánh giá ngoài đóng góp ý kiến để công tác tự đánh giá của nhà trường ngày càng chất lượng và hoàn thiện hơn./.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 11 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Thị Minh Liên

Phần IV: PHỤ LỤC
BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG (MỨC 1)

Tiêu chí	STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Nơi lưu trữ
<i>Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường</i>						
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, cấp có thẩm quyền phê duyệt	2018, 2022	Ban lãnh đạo Trường THCS, THPT Nhân Văn	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.1-02]	Đường dẫn truy cập cổng thông tin điện tử của trường	Năm học 2022 - 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Bộ phận CNTT
	3	[H1-1.1-03]	Các báo cáo tổng kết từng năm học	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 - 2023	Ban giám hiệu	Phòng giáo vụ
	4	[H1-1.1-04]	Báo cáo sơ kết kết quả thực hiện chiến lược	Năm học 2022 - 2023	Ban giám hiệu	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Quyết định thành lập Hội đồng trường	05/QĐ-SGDĐT, ngày 04 tháng 01 năm 2023	Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh	Phòng giáo vụ
	2	[H1-1.2-02]	Quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh đầu cấp	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 - 2023	Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh	Phòng P.Hiệu trưởng
	3	[H1-1.2-03]	Quyết định thành lập hội đồng thi đua - khen thưởng	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 - 2023	Hiệu trưởng Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng giáo vụ
	4	[H1-1.2-04]	Quyết định thành lập hội đồng khoa học chấm sáng kiến	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 - 2023	Hiệu trưởng Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng giáo vụ
	5	[H1-1.2-05]	Quyết định công nhận Chi hội	Năm 2020	Hội khuyến học Q.Tân	Phòng giáo vụ

Tiêu chí	STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Nơi lưu trữ
			Khuyến học		Phú	
	6	[H1-1.2-06]	Kế hoạch hoạt động của Hội đồng trường	Từ 2018 - 2019 đến 2022 - 2023	Chủ tịch HĐQT	Phòng Hiệu trưởng
	7	[H1-1.2-07]	Qui chế làm việc của đơn vị trường	Năm 2022	Ban lãnh đạo Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng giáo vụ
	8	[H1-1.2-08]	Sổ nghị quyết của nhà trường (sổ họp HĐSP)	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng giáo vụ
	9	[H1-1.2-09]	Hồ sơ thi đua cuối năm	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 - 2023	Ban thi đua Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng giáo vụ
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Quyết định thành lập Chi bộ Trường THCS, THPT Nhân Văn	Nhiệm kì 2018-2023	Quận ủy Quận Tân Phú	Bí thư Chi bộ
	2	[H1-1.3-02]	Quyết định chuẩn y BCH Công đoàn	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Công đoàn ngành	Phòng Công đoàn
	3	[H1-1.3-03]	Quyết định chuẩn y BCH Đoàn TN học sinh	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	BCH Quận Đoàn Tân Phú	Phòng Đoàn Thanh niên
	4	[H1-1.3-04]	Sổ nghị quyết Chi bộ	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Chi bộ trường	Bí thư Chi bộ
	5	[H1-1.3-05]	Kế hoạch hoạt động Công đoàn	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	BCH Công Đoàn	Phòng Công đoàn
	6	[H1-1.3-06]	Kế hoạch hoạt động Đoàn thanh niên	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	BCH Đoàn	Phòng Đoàn Thanh niên

Tiêu chí	STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Nơi lưu trữ
	7	[H1-1.3-07]	Sổ nghị quyết của Công đoàn (biên bản họp)	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	BCH Công Đoàn	Phòng Công đoàn
	8	[H1-1.3-08]	Sổ nghị quyết của Đoàn thanh niên (biên bản họp)	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	BCH Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	Phòng Đoàn Thanh niên
	9	[H1-1.3-09]	Văn bản xếp loại Chi bộ cuối năm (từ 2017 – 2021) của Quận ủy Tân Phú	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Quận ủy Quận Tân Phú	Bí thư Chi bộ
	10	[H1-1.3-10]	Báo cáo tổng kết hoạt động Công đoàn cuối năm	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	BCH Công Đoàn	Phòng Công đoàn
	11	[H1-1.3-11]	Báo cáo tổng kết hoạt động Đoàn thanh niên cuối năm	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	BCH Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	Phòng Đoàn Thanh niên
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng	Số 120/QĐ-GDDĐT-TC Ngày 14/01/2020	Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H1-1.4-02]	Quyết định bổ nhiệm, phân công các tổ trưởng, nhóm trưởng, khối trưởng, các nhiệm vụ ...	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Hiệu trưởng Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng giáo vụ Phòng Hiệu trưởng
	3	[H1-1.4-03]	Kế hoạch hoạt động các tổ chuyên môn	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Tổ trưởng chuyên môn	Phòng chuyên môn
	4	[H1-1.4-04]	Kế hoạch hoạt động tổ văn phòng	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Tổ Trưởng Văn phòng	Phòng chuyên môn
	5	[H1-1.4-05]	Kế hoạch dạy học của trường, các	Từ Năm 2018 - 2019	Trường THCS, THPT	Phòng chuyên

Tiêu chí	STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Nơi lưu trữ
			tổ chuyên môn	Đến Năm 2022 – 2023	Nhân Văn	môn
	6	[H1-1.4-06]	Sổ sinh hoạt của các tổ chuyên môn	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Tổ trưởng chuyên môn	Phòng chuyên môn
	7	[H1-1.4-07]	Sổ sinh hoạt của tổ văn phòng	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Phòng chuyên môn
	8	[H1-1.4-08]	Hình ảnh học sinh tham gia các chuyên đề của tổ chuyên môn	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Ban hoạt động	Phòng Đoàn Thanh niên
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Sổ đăng bộ (02 quyển)	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng giáo vụ
	2	[H1-1.5-02]	Sổ chủ nhiệm	Từ Năm 2017 - 2018 Đến Năm 2021 – 2022	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng giáo vụ
	3	[H1-1.5-03]	Sổ gọi tên và ghi điểm	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng giáo vụ
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Sổ quản lí và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi và đến	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Văn phòng
	2	[H1-1.6-02]	Sổ chuyển đi, đến, cấp phát văn bằng, học bạ ... (hồ sơ học vụ)	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng giáo vụ
	3	[H1-1.6-03]	Dự toán kế toán	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng Kế toán
	4	[H1-1.6-04]	Qui chế chi tiêu nội bộ điều chỉnh hàng năm	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Hiệu trưởng	Phòng Kế toán

Tiêu chí	STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Nơi lưu trữ
	5	[H1-1.6-05]	Báo cáo tài chính trong hội nghị Người lao động	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Kế toán Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng Kế toán
	6	[H1-1.6-06]	Báo cáo của Ủy Ban KT Công đoàn	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	BCH Công đoàn	Phòng Công đoàn
	7	[H1-1.6-07]	Biên bản kiểm tra tài chính của cấp trên	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	Phòng Kế toán
	8	[H1-1.6-08]	Hình ảnh khối hành chính - quản trị	Năm học 2022 - 2023	Ban hoạt động	Phòng Đoàn Thanh niên
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch BDTX	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Phó hiệu trưởng CM	Phòng chuyên môn
	2	[H1-1.7-02]	Bảng phân công nhiệm vụ CB, GV, NV	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Ban giám hiệu Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng giáo vụ
	3	[H1-1.7-03]	Danh sách cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia bồi dưỡng chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ những năm gần đây.	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng CM	Phó Hiệu trưởng
	4	[H1-1.7-04]	Danh sách giáo viên dạy bồi dưỡng học sinh giỏi, Olympic	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng CM	Phòng chuyên môn
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch giáo dục + Kế hoạch năm học	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Ban giám hiệu	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H1-1.8-02]	Sổ đầu bài	Từ Năm 2018 - 2019	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng giáo vụ

Tiêu chí	STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Nơi lưu trữ
				Đến Năm 2022 – 2023		
	3	[H1-1.8-03]	Biên bản kiểm tra sổ đầu bài	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng CM	Phòng chuyên môn
	4	[H1-1.8-04]	Kế hoạch kiểm tra nội bộ	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Hiệu trưởng Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng Hiệu trưởng
	5	[H1-1.8-05]	Kết quả đánh giá, xếp loại nhà trường cuối năm của Sở Giáo dục và Đào tạo	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh	Phòng Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Biên bản hội nghị Người lao động	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	BCH Công đoàn	Văn phòng trường
	2	[H1-1.9-02]	Qui chế dân chủ cơ sở	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	BCH Công đoàn	Phòng Công đoàn
	3	[H1-1.9-03]	Báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	BCH Công đoàn	Phòng Công đoàn
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	KH đảm bảo an ninh trật tự nhà trường	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Ban ATTH Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phó Hiệu trưởng
	2	[H1-1.10-02]	Phương án phối hợp với trạm y tế trong việc phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Ban ATTH Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng Y Tế
	3	[H1-1.10-03]	Kế hoạch phòng chống tai nạn, thương tích	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Ban ATTH Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng Y Tế
	4	[H1-1.10-04]	Phương án phòng cháy, chữa cháy	Từ Năm 2018 - 2019	Ban ATTH Trường	Phó Hiệu

Tiêu chí	STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Nơi lưu trữ
				Đến Năm 2022 – 2023	THCS, THPT Nhân Văn	trường
	5	[H1-1.10-05]	Đánh giá, xếp loại công tác y tế học đường của cấp trên	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trạm Y tế P. Nhân Văn	Phòng Y tế
	6	[H1-1.10-06]	Hộp thư góp ý, Lịch tiếp dân, số ĐT của BGH	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Văn phòng Trường
	7	[H1-1.10-07]	Nội dung tuyên truyền pháp luật, chống kì thị, bạo lực học đường	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Tổ trưởng Tổ GD CD Trợ lí thanh niên	Phòng Đoàn Thanh niên
	8	[H1-1.10-08]	Kế hoạch GD giáo dục ngoài giờ lên lớp	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng chuyên môn
	9	[H1-1.10-09]	Sổ theo dõi kỷ luật học sinh của tổ giám thị	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Bộ phận giám thị Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng Giám thị
Tiêu chuẩn 2: :Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh						
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Lý lịch 2C của Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng + bằng cấp, CCBD		Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H2-2.1-02]	Kết quả đánh giá, xếp loại chuẩn Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng hằng năm (Biên bản họp ĐG)	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Sở Giáo dục và Đào tạo Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-02]	Bảng phân công giảng dạy của nhà trường	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Phó Hiệu trưởng CM	Phòng chuyên môn
	2	[H2-2.2-01]	Danh sách cán bộ, giáo viên, nhân viên có thông tin về trình độ đào	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng giáo vụ

Tiêu chí	STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Nơi lưu trữ
			tạo			
	3	[H2-2.2-03]	Bảng tổng hợp đánh giá, xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên (hồ sơ đánh giá: phiếu tự ĐG, xếp loại của tổ, tổng hợp XL của HT)	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng Hiệu trưởng
	4	[H2-2.2-04]	Kế hoạch trải nghiệm, hướng nghiệp	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng chuyên môn
	5	[H2-2.2-05]	Kế hoạch hoạt động của các câu lạc bộ	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Chi đoàn giáo viên, tổ chuyên môn	Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Danh sách nhân viên nhà trường	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Văn phòng trường
	2	[H2-2.3-02]	Kết quả thi đua cuối năm của tổ văn phòng 5 năm gần đây	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Văn phòng trường
Tiêu chí 2.4	1	[H2-2.4-01]	Kế hoạch tuyển sinh đầu cấp	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phó Hiệu trưởng
	2	[H2-2.4-02]	Nội qui học sinh	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng Giám thị
	3	[H2-2.4-03]	Hình ảnh học sinh tập thể dục, tham gia các hoạt động của trường lớp, làm vệ sinh trường lớp và nơi công cộng...	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Ban hoạt động	Phòng Đoàn Thanh niên

Tiêu chí	STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Nơi lưu trữ	
	4	[H2-2.4-04]	Hình ảnh học sinh tham gia các chuyên đề giáo dục kỹ năng sống	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Ban hoạt động	Phòng Đoàn Thanh niên	
	5	[H2-2.4-06]	Quyết định khen thưởng học sinh giỏi, tiên tiến	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Hiệu trưởng Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng giáo vụ	
	6	[H2-2.4-07]	Sổ ghi Biên bản xử lý học sinh vi phạm.	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng Giám thị	
Tiêu chí 3.1	Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học						
	1	[H3-3.1-01]	Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất của nhà trường		UBND Thành phố	Phòng Hiệu trưởng	
	2	[H3-3.1-02]	Hình ảnh khuôn viên nhà trường, công, cây cảnh	Tháng 8 năm 2023	Ban hoạt động	Phòng Đoàn Thanh niên	
	3	[H3-3.1-03]	Hình ảnh khu sân chơi, bãi tập	Tháng 8 năm 2023	Ban hoạt động	Phòng Đoàn Thanh niên	
	4	[H3-3.1-04]	Hình ảnh học sinh, giáo viên tham gia luyện tập, thi đấu thể dục thể thao	Tháng 8 năm 2023	Ban hoạt động	Phòng Đoàn Thanh niên	
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Hình ảnh các phòng học, sơ đồ trường.	Tháng 8 năm 2023	Ban hoạt động	Phòng Đoàn Thanh niên	
	2	[H3-3.2-02]	Hình ảnh phòng thực hành Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công Nghệ, STEM, Tin học	Tháng 8 năm 2023	Ban hoạt động	Phòng Đoàn Thanh niên	

Tiêu chí	STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Nơi lưu trữ
	3	[H3-3.2-03]	Hình ảnh thư viện, phòng Đoàn, phòng truyền thống	Tháng 8 năm 2023	Ban hoạt động	Phòng Đoàn Thanh niên
	4	[H3-3.2-04]	Sổ quản lí tài sản, thiết bị giáo dục	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng TBTH
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Hình ảnh nhà bếp, nhà ăn, phòng nội trú, phòng nghỉ của giáo viên, phòng làm việc ...	Tháng 8 năm 2023	Ban hoạt động	Phòng Đoàn Thanh niên
	2	[H3-3.3-02]	Hình ảnh khu nhà xe	Tháng 8 năm 2023	Ban hoạt động	Phòng Đoàn Thanh niên
	3	[H3-3.3-03]	Kế hoạch sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị	Năm học 2022 - 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng Kế toán
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Hình ảnh khu nhà vệ sinh	Tháng 8 năm 2023	Ban hoạt động	Phòng Đoàn Thanh niên
	2	[H3-3.4-02]	Biên bản kiểm tra của cơ quan y tế về nước sạch	Năm học 2022 - 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng Y tế
	3	[H3-3.4-03]	Hợp đồng hoặc CN cung cấp nước uống cho giáo viên và học sinh	Năm học 2022 - 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng Kế toán
	4	[H3-3.4-04]	Hợp đồng thu gom và vận chuyển rác	Năm học 2022 - 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng Kế toán
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Kế hoạch kiểm tra tài sản	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng Kế toán

Tiêu chí	STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Nơi lưu trữ
	2	[H3-3.5-02]	Hợp đồng hoặc chứng từ kết nối mạng Internet	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng Kế toán
	3	[H3-3.5-03]	- Danh mục thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm - Sổ quản lý, theo dõi THPTN	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng TBTH
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Hồ sơ quản lý thư viện	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng Thư viện
	2	[H3-3.6-02]	Kế hoạch hoạt động của thư viện trong năm học	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Thư viện Trường	Phòng Thư viện
	3	[H3-3.6-03]	Kế hoạch tổ chức giới thiệu, tuyên truyền sách	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Thư viện Trường	Phòng Thư viện
	4	[H3-3.6-04]	Danh mục sách báo, tạp chí, bản đồ ...	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Thư viện Trường	Phòng Thư viện
	5	[H3-3.6-05]	Danh mục sách bổ sung trong năm học	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Thư viện Trường	Phòng Thư viện
	6	[H3-3.6-06]	Kết quả đánh giá, xếp loại của thư viện cuối năm	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Thư viện Trường	Phòng Thư viện
	7	[H3-3.6-07]	Biên bản kiểm tra thư viện	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Thư viện Trường	Phòng Thư viện
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội						

Tiêu chí	STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Nơi lưu trữ
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-04]	Biên bản họp cha mẹ học sinh các lớp	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	P. Phó Hiệu trưởng
	2	[H4-4.1-01]	Văn bản thành lập Ban đại diện cha mẹ học sinh cấp trường hằng năm	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	P. Phó Hiệu trưởng
	3	[H4-4.1-02]	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh hằng năm	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Ban đại diện CMHS Trường THCS, THPT Nhân Văn	P. Phó Hiệu trưởng
	4	[H4-4.1-03]	Biên bản đại hội cha mẹ học sinh đầu năm	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Ban đại diện CMHS Trường THCS, THPT Nhân Văn	P. Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Văn bản của nhà trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng giáo vụ
	2	[H4-4.2-02]	Hình ảnh các buổi lễ kỷ niệm, hoạt động hè, phát học bổng....	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Ban hoạt động	Phòng Đoàn Thanh niên
	3	[H4-4.2-03]	Hợp đồng làm việc với công an về việc bảo vệ an ninh trật tự trước cổng trường	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phó Hiệu trưởng
	4	[H4-4.2-04]	Hình ảnh trao học bổng cho HS của trường	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Ban hoạt động	Phòng Đoàn Thanh niên

Tiêu chí	STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Nơi lưu trữ
	5	[H4-4.2-05]	Tổng hợp báo cáo theo dõi tình hình học sinh bỏ học	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng giáo vụ
	6	[H4-4.2-06]	Hình ảnh phối hợp tổ chức các hoạt động với các đoàn thể	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Ban hoạt động	Phòng Đoàn Thanh niên
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục						
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Hồ sơ kiểm tra nội bộ	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng Hiệu trưởng
	2	[H5-5.1-02]	Quy Chế KT đánh giá HS	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Hiệu trưởng Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng chuyên môn
	3	[H5-5.1-03]	Sổ/ phiếu dự giờ của giáo viên	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng chuyên môn
	4	[H5-5.1-04]	Hình ảnh các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Ban hoạt động	Phòng Đoàn Thanh niên
	5	[H5-5.1-05]	Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, Olympic, học sinh có năng khiếu; KH phụ đạo học sinh yếu kém	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng chuyên môn
	6	[H5-5.1-07]	Báo cáo kết quả phụ đạo học sinh yếu kém bộ môn	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng chuyên môn
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Thống kê/danh sách học sinh đạt giải thể dục thể thao, học sinh giỏi thành phố, học sinh đạt huy	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng chuyên môn

Tiêu chí	STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Nơi lưu trữ
			chương Olympic			
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Nội dung giáo dục địa phương	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng chuyên môn
	2	[H5-5.3-02]	Tài liệu giảng dạy giáo dục địa phương	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng chuyên môn
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Kế hoạch tổ chức dạy nghề	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng chuyên môn
	2	[H5-5.4-02]	Danh sách phân công giáo viên tham gia trải nghiệm, hướng nghiệp	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phó Hiệu trưởng
	3	[H5-5.4-03]	Hợp đồng giữa nhà trường và các Công ty du lịch	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng Kế toán
Tiêu chí 5.5	1	[H5-5.5-01]	Kế hoạch giáo dục KNS cho HS	Năm học 2022 - 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng chuyên môn
Tiêu chí 5.6	1	[H5-5.6-01]	Thống kê kết quả học lực của HS Thống kê kết quả hạnh kiểm của HS	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng giáo vụ
	2	[H5-5.6-02]	Thống kê số lượng, tỷ lệ học sinh đậu đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.	Từ Năm 2018 - 2019 Đến Năm 2022 – 2023	Trường THCS, THPT Nhân Văn	Phòng giáo vụ